

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH BẮC NINH
BAC NINH CLEAN WATER
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Số/No.: 212 /CBTT-BNW

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 03 năm 2025
Bac Ninh, March 27, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
DISCLOSURE OF INFORMATION**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Hanoi Stock Exchange
- Quý cổ đông Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh
Shareholders of Bac Ninh Clean Water Joint Stock Company

Công ty/ Company: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH/ BAC NINH
CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY

Mã chứng khoán/ Securities code: BNW

Địa chỉ trụ sở chính/ Head office address: Số 57 Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ No. 57 Ngo Gia Tu, Thi Cau Ward, Bac Ninh City, Bac Ninh Province, Viet Nam.

Điện thoại/ Telephone: 0222.3824369

Fax: 0222.3822708

Người đại diện theo pháp luật/ Legal representative: Ông Lưu Xuân Tâm - Chức vụ:

Tổng giám đốc/ Mr. Luu Xuan Tam - Position: General Director

Người Ủy quyền CBTT: ông Ngô Việt Thắng

Web: <http://nuocsachbacninh.vn/>

Loại thông tin công bố/ Type of Information Disclosure:

24h 72h

Yêu cầu/ Request Bất thường/ Extraordinary Định kỳ/ Periodic

Nội dung thông tin công bố/ Content of the disclosed information:

Thông báo số 11/TB-BNW ngày 27/03/2025 về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025/ Notification No. 11/TB-BNW dated 27/03/2025 regarding the organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

Thông tin này kèm theo tài liệu được công bố trên website của Công ty tại: <https://nuocsachbacninh.vn/> This information is accompanied by documents published on the Company's website at: <https://nuocsachbacninh.vn/>



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby declare that all information provided in this announcement is true and accurate. We shall be legally responsible for the accuracy of our information disclosure.*

Trân trọng/ *Sincerely./*

Nơi nhận/ Recipients:

- Như kính gửi/ *As above;*
- Đăng website Công ty/ *Published on the company's website;*
- Lưu TCHC/ *Archived:*
Organization and Administration Department.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ REPRESENTATIVE
OF THE ORGANIZATION**

Người đại diện theo pháp luật/ Người UQCBTT
*Legal representative/ Authorized person
for information disclosure*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, title, seal)



Ngô Việt Thắng



Số: 44/TB-BNW

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh trân trọng kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh. Cụ thể như sau:

1. Thời gian: Vào hồi 08h30, ngày 18 tháng 04 năm 2025.

2. Địa điểm: Hội trường B Trung tâm Văn hóa Kinh Bắc.

Địa chỉ: Đường Kinh Dương Vương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên Ban kiểm soát

- Các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của C. ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh chốt ngày 19/03/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp.

4. Nội dung: Theo chương trình làm việc đính kèm

5. Đăng ký tham dự và góp ý nội dung Đại hội:

Quý cổ đông vui lòng gửi:

Giấy xác nhận tham dự (trường hợp tham dự trực tiếp) và/hoặc Giấy ủy quyền kèm Bản sao CMND/CCCD/HC/ĐKKD của người ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền tham dự Đại hội) trước **16h00 ngày 08/04/2025** tới Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh, cụ thể:

Liên hệ: Ông Ngô Việt Thắng - Trưởng phòng TCHC;

ĐTDD: 0982.480.234; Email: thangbn118@gmail.com

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

6. Tài liệu Đại hội:

Tài liệu liên quan đến Đại hội được công bố chi tiết trên Website của công ty: <http://nuocsachbacninh.vn/>. Kính đề nghị quý Cổ đông truy cập địa chỉ trên để tải tài liệu.

Sự hiện diện của Quý cổ đông sẽ góp phần vào sự thành công của Đại hội.
Trân trọng thông báo!

Nơi nhận: ✓

- Như Kính gửi;

- Lưu TCHC.

Ghi chú:

1. Quý cổ đông hoặc người ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau: thư mời, CMND/CCCD; giấy giới thiệu, giấy ủy quyền, bản sao GCN ĐKKD (nếu là tổ chức) để BTC kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Cổ đông về dự Đại hội tự túc kinh phí.

3. Trang phục của các đại biểu dự đại hội: Cổ đông công ty CPNSBN: Mặc đồng phục văn phòng của Công ty; Cổ đông ngoài Công ty: Áo sơ mi trắng, quần/chân váy sẫm màu (áo dài tay và nam thắt càvat).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Thời gian tổ chức: 8h00 phút ngày 18 tháng 04 năm 2025

Địa điểm tổ chức: Hội trường B. Trung tâm văn hóa Kinh Bắc.

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8h00-8h30	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông - Đón khách, kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông có mặt - Phát tài liệu, phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết
8h30-8h50	Khai mạc Đại hội: - Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời; - Thông qua Biên bản thẩm tra tư cách cổ đông và tuyên bố điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. - Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thông qua Đoàn thư ký, Ban kiểm phiếu; Mời Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký lên làm việc; - Chủ tọa đại hội lên phát biểu khai mạc; - Thông qua Quy chế Đại hội, Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội;
8h50-9h00	Đại hội biểu quyết thông qua nội dung, chương trình làm việc
9h00-10h30	Thông qua Báo cáo, tờ trình; Lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông: - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024; - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024; - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025; - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024; - Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2024; - Tờ trình đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2025; - Tờ trình phê duyệt chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2024 và kế hoạch năm 2025; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025. - Báo cáo về việc vay vốn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m3/ngđ) và tuyến ống truyền tải. - Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội (nếu có); Thảo luận <i>Đoàn chủ tịch, Ban kiểm soát và thành viên liên quan giải trình các ý kiến của Cổ đông.</i>
10h30-10h45	Cổ đông ghi và bỏ phiếu biểu quyết các nội dung báo cáo, tờ trình
10h45-11h00	Nghỉ giải lao; Ban kiểm phiếu làm việc.
11h00-11h15	Báo cáo và thông qua kết quả kiểm phiếu
11h15-11h30	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội
11h30	Tuyên bố bế mạc Đại hội và ăn trưa

(Chương trình có thể thay đổi theo diễn biến tại Đại hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



....., ngày ... tháng năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh

Tên cá nhân/tổ chức:
Là cổ đông của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh
Số CMTND/Hộ chiếu/Căn cước công dân/ĐKKD:.....
Cấp ngày:...../...../..... tại.....
Địa chỉ:
Số điện thoại liên lạc:
Tổng số cổ phần sở hữu theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 19/03/2025 là:.....
Căn cứ Thông báo mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số: 11/TB- BNW ngày 27 tháng 03 năm 2025 của HĐQT Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh, tôi xin xác nhận việc tham dự Đại hội như sau:

1. Trực tiếp tham dự

Cổ đông ký xác nhận và ghi rõ họ tên
(Nếu trực tiếp tham dự)

2. Ủy quyền cho cá nhân/tổ chức có tên dưới đây:

Tên cá nhân/tổ chức:
Số CMTND/Hộ chiếu/Căn cước công dân/ĐKKD:.....
Cấp ngày:...../...../..... tại.....
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền:

Được quyền đại diện phần cổ phần của tôi tham dự họp và biểu quyết đối với các vấn đề thuộc nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2025.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 bế mạc. Tôi xin cam đoan không khiếu nại về kết quả biểu quyết của người được tôi ủy quyền trên đây./.

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cổ đông xác nhận trước 16h00 ngày 08/04/2025.

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025

TT	Nội dung	Ghi chú
1.	Thông báo mời họp	
2.	Giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội	
3.	Chương trình Đại hội	
4.	Quy chế tổ chức Đại hội	
5.	Phiếu biểu quyết	
6.	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024	
7.	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024	
8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025	
9.	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 và tờ trình	
10.	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2024	
11.	Tờ trình đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2025	
12.	Tờ trình phê duyệt chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2024 và thù lao năm 2025	
13.	Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025	
14.	Báo cáo về việc vay vốn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m ³ /ngđ) và tuyển ổng truyền tải	
15.	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh	
16.	Thẻ biểu quyết và hướng dẫn thẻ biểu quyết	
17.	Dự thảo BB kiểm phiếu Dự thảo BB kiểm tra tư cách cổ đông	
18.	Dự thảo BB ĐHĐCĐ năm 2025	
19.	Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025	

Số: /TB-BNW

Bắc Ninh, ngày tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh trân trọng kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh. Cụ thể như sau:

1. Thời gian: Vào hồi 08h30, ngày 18 tháng 04 năm 2025.

2. Địa điểm: Hội trường B Trung tâm Văn hóa Kinh Bắc.

Địa chỉ: Đường Kinh Dương Vương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên Ban kiểm soát

- Các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của C.ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh chốt ngày 19/03/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp.

4. Nội dung: Theo chương trình làm việc đính kèm

5. Đăng ký tham dự và góp ý nội dung Đại hội:

Quý cổ đông vui lòng gửi:

Giấy xác nhận tham dự (trường hợp tham dự trực tiếp) và/hoặc Giấy ủy quyền kèm Bản sao CMND/CCCD/HC/ĐKKD của người ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền tham dự Đại hội) trước **16h00 ngày 08/04/2025** tới Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh, cụ thể:

Liên hệ: Ông Ngô Việt Thắng - Trưởng phòng TCHC;

ĐTĐD: 0982.480.234; Email: thangbn118@gmail.com

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

6. Tài liệu Đại hội:

Tài liệu liên quan đến Đại hội được công bố chi tiết trên Website của công ty: <http://nuocsachbacninh.vn/>. Kính đề nghị quý Cổ đông truy cập địa chỉ trên để tải tài liệu.

Sự hiện diện của Quý cổ đông sẽ góp phần vào sự thành công của Đại hội.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;

- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ghi chú:

1. Quý cổ đông hoặc người ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau: thư mời, CMND/CCCD; giấy giới thiệu, giấy ủy quyền, bản sao GCN ĐKDN (nếu là tổ chức) để BTC kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Cổ đông về dự Đại hội tự túc kinh phí.

3. Trang phục của các đại biểu dự đại hội: Cổ đông công ty CPNSBN: Mặc đồng phục văn phòng của Công ty; Cổ đông ngoài Công ty: Áo sơ mi trắng, quần/chân váy sẫm màu (áo dài tay và nam thắt cavat).

Nguyễn Tiến Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh

Tên cá nhân/tổ chức:
Là cổ đông của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh
Số CMTND/Hộ chiếu/Căn cước công dân/ĐKKD:.....
Cấp ngày:...../...../.....tại.....
Địa chỉ:
Số điện thoại liên lạc:
Tổng số cổ phần sở hữu theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 19/03/2025 là:.....
Căn cứ Thông báo mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số: **...TB- BNW ngày tháng 03 năm 2025** của HĐQT Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh, tôi xin xác nhận việc tham dự Đại hội như sau:

1. Trực tiếp tham dự

Cổ đông ký xác nhận và ghi rõ họ tên
(Nếu trực tiếp tham dự)

2. Ủy quyền cho cá nhân/tổ chức có tên dưới đây:

Tên cá nhân/tổ chức:
Số CMTND/Hộ chiếu/Căn cước công dân/ĐKKD:.....
Cấp ngày:...../...../.....tại.....
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền:

Được quyền đại diện phần cổ phần của tôi tham dự họp và biểu quyết đối với các vấn đề thuộc nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2025.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 bế mạc. Tôi xin cam đoan không khiếu nại về kết quả biểu quyết của người được tôi ủy quyền trên đây./.

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cổ đông xác nhận trước 16h00 ngày 08/04/2025.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Thời gian tổ chức: 8h00 phút ngày 18 tháng 04 năm 2025

Địa điểm tổ chức: Hội trường B. Trung tâm văn hóa Kinh Bắc.

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8h00-8h30	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông - Đón khách, kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông có mặt - Phát tài liệu, phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết
8h30-8h50	Khai mạc Đại hội: - Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời; - Thông qua Biên bản thẩm tra tư cách cổ đông và tuyên bố điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. - Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thông qua Đoàn thư ký, Ban kiểm phiếu; Mời Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký lên làm việc; - Chủ tọa đại hội lên phát biểu khai mạc; - Thông qua Quy chế Đại hội, Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội;
8h50-9h00	Đại hội biểu quyết thông qua nội dung, chương trình làm việc
9h00-10h30	Thông qua Báo cáo, tờ trình; Lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông: - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024; - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024; - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025; - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024; - Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2024; - Tờ trình đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2025; - Tờ trình phê duyệt chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2024 và kế hoạch năm 2025; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025. - Báo cáo về việc vay vốn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m ³ /ngđ) và tuyển ống truyền tải. - Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội (nếu có); Thảo luận <i>Đoàn chủ tịch, Ban kiểm soát và thành viên liên quan giải trình các ý kiến của Cổ đông.</i>
10h30-10h45	Cổ đông ghi và bỏ phiếu biểu quyết các nội dung báo cáo, tờ trình
10h45-11h00	Nghỉ giải lao; Ban kiểm phiếu làm việc.
11h00-11h15	Báo cáo và thông qua kết quả kiểm phiếu
11h15-11h30	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội
11h30	Tuyên bố bế mạc Đại hội và ăn trưa

(Chương trình có thể thay đổi theo diễn biến tại Đại hội)

Bắc Ninh, ngày tháng 04 năm 2025

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp [số 59/2020/QH14](#) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản có liên quan;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh
- Văn bản pháp luật khác có liên quan

Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh như sau:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (sau đây gọi là “Đại hội”) Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh.
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, [người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của](#) cổ đông và các bên tham dự Đại hội đối với điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
- Cổ đông, [người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của](#) cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội

[Các cổ đông cá nhân hoặc tổ chức Cổ đông](#) có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

Điều 4. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

- Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy

quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Được ban Tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.

3. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả nội dung có trong chương trình Đại hội thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh

4. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có), trong đó có ghi Họ và tên cổ đông, mã Mã số cổ đông, Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu, Số lượng phiếu biểu quyết nhân ủy quyền và Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện và số cổ phần có quyền biểu quyết sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

5. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

6. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, giá trị biểu quyết của Phiếu bầu cử được tính bằng tổng số phiếu bầu cử, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu (theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3, điều 148 Luật Doanh nghiệp)

7. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Trường hợp Ban kiểm phiếu đang tiến hành kiểm phiếu biểu quyết thì cổ đông không có quyền biểu quyết. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết ở phần sau.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội mang theo giấy tờ sau:

a. Giấy chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy tờ tùy thân khác (nếu là cá nhân)

b. Bản sao công chứng Đăng ký kinh doanh và CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy tờ tùy thân khác của người đại diện theo pháp luật. (nếu là tổ chức)

Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách Cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra tư cách Cổ đông.

2. Trường hợp Cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì Cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử.

3. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông/ đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp hiện hành.

6. Đối với hình thức biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết, Trường trường họp Cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội trong thời

gian Cổ đông đó vắng mặt.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội, Đoàn chủ tịch

1. Chủ tọa và thành phần đoàn chủ tịch do Đại hội bầu bằng hình thức giờ thẻ biểu quyết.
2. Đoàn Chủ tịch Đại hội có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Chủ trì, điều khiển Đại hội; tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - b. Quyết định về các vấn đề chính, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
 - c. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;
 - d. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - e. Trả lời hoặc chỉ định thành viên Đoàn chủ tịch trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - f. Có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác tại một địa điểm khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
 - Hoặc sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
 - g. Chủ tọa Đại hội có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội.

Điều 7. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử, được Đại hội thông qua bằng hình thức giờ thẻ biểu quyết để giúp việc Đại hội. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội về nhiệm vụ của mình.
2. Ban Thư ký thực hiện công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, có nhiệm vụ:
 - a. Ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung biên bản đối với diễn biến cuộc họp Đại hội, dự thảo các văn kiện, kết luận, và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu; trình bày trước Đại hội về Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.
 - b. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội (sau đây gọi tắt là Ban kiểm tra tư cách cổ đông) ~~có 8-9 thành viên~~, gồm 01 Trưởng ban và các thành viên có chức năng và nhiệm vụ sau:
 - a. Kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: Kiểm tra Chứng minh thư nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu, Bản sao công chứng Giấy CNĐKKD, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có);
 - b. Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu của Đại hội;

c. Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội.

2. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp Thẻ biểu quyết, **Phiếu biểu quyết**, Phiếu bầu cử và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu là các thành viên trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông, trong đó gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng Thẻ biểu quyết, **Phiếu biểu quyết**, Phiếu bầu cử

b. Thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: **hợp lệ, không hợp lệ**, tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;

c. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua Đại hội;

d. Kiểm tra danh sách các ứng cử viên Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS) trước khi thực hiện bầu cử (nếu có);

e. Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên HDQT và BKS theo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có);

f. Tiến hành phát, thu, kiểm đếm phiếu bầu cử thành viên HDQT, BKS của các cổ đông theo đúng số cổ phần và quyền biểu quyết của từng cổ đông (nếu có);

g. Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có);

a. Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa các vấn đề được lấy ý kiến thông qua Đại hội;

b. Báo cáo kết quả kiểm phiếu (Biên bản kiểm phiếu);

c. Bàn giao lại biên bản kiểm phiếu cho Thư ký Đại hội;

d. Cùng chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, **bầu cử** (nếu có) và báo cáo đề Đại hội đồng cổ đông quyết định;

e. Thực hiện nhiệm vụ được giao khác.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội Cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông đại diện **trên 50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập cuộc họp Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định

2. Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày theo chương trình Đại hội được Ban tổ chức chuẩn bị và thông qua tại Đại hội.

3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội ~~đồng ý~~. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông phát biểu ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá thẩm quyền của Doanh nghiệp. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận;

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không vượt quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thẻ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông tham dự trực tiếp tại địa điểm họp như sau biểu quyết:

~~— Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng việc giơ Thẻ biểu quyết;~~

a. Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp. Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề bao gồm: Danh sách Đoàn chủ tịch; Danh sách Ban thư ký Đại hội; Danh sách Ban Kiểm phiếu Đại hội; Quy chế tổ chức Đại hội; Chương trình Đại hội; Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

❖ Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông thực hiện biểu quyết bằng việc giơ “THẺ BIỂU QUYẾT” để biểu quyết “Tán thành”, hoặc “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến” với những nội dung biểu quyết khi Ban Tổ chức hoặc Đoàn chủ tịch yêu cầu biểu quyết. Với mỗi nội dung biểu quyết, Cổ đông chỉ được giơ thẻ một lần hoặc “Tán thành”, hoặc “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến”. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết thì coi như tán thành. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần.

- Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung. Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến.

b. Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết và bỏ phiếu kín: hình thức này được dùng để thông qua các nội dung: tờ trình, báo cáo tại Đại hội, các vấn đề khác ghi trong Phiếu biểu quyết (nếu có); được xác định và ghi rõ trong từng phiếu biểu quyết gửi cho mỗi cổ đông.

❖ Cách thức biểu quyết:

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Indent: Left: 0.62 cm, Space Before: 1 pt, After: 1 pt, Widow/Orphan control, Tab stops: 0.16 cm, Left + 1.75 cm, Left + Not at 1 cm + 1.63 cm

Formatted: Font: (Default) +Headings (Times New Roman)

- Khi biểu quyết từng nội dung, Cổ đông dự họp thể hiện ý kiến biểu quyết bằng cách đánh dấu chon vào 01 trong 03 ô biểu quyết (*Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến*), ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết rồi bỏ vào hòm phiếu.
- Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung mà Cổ đông không đánh dấu chon vào bất kỳ ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với cùng nội dung biểu quyết đó. Nếu Phiếu biểu quyết hợp lệ có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì các nội dung hợp lệ còn lại vẫn được tính vào kết quả biểu quyết đối với nội dung hợp lệ đó.
- Phiếu biểu quyết được coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau:
 - + Phiếu biểu quyết không phải là phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
 - + Phiếu biểu quyết không theo Mẫu quy định, không được đóng Dấu treo của Công ty;
 - + Phiếu biểu quyết bị gach xoá, sửa chữa, rách, nát;
 - + Phiếu biểu quyết không có họ tên và chữ ký của cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của cổ đông;
 - + Phiếu biểu quyết có tất cả các nội dung biểu quyết không hợp lệ;
 - + Phiếu biểu quyết được nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi Chủ tọa Đại hội tuyên bố thời gian bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu hoặc theo hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.

2. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện có ủy quyền có mặt tại Đại hội dự họp chấp thuận thành, ngoại trừ nội dung quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với việc thông qua các vấn đề được quy định tại Khoản 1 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 phải đạt từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện có ủy quyền có mặt tại Đại hội dự họp tán thành.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo **phương pháp bầu dồn phiếu** theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bỏ sung và Điều lệ của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh.

5. Hình thức biểu quyết:

— Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình Đại hội. Khi biểu quyết một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết lên cao; việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến.

— Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông theo trình tự: Tán thành, Không tán thành; Không có ý kiến. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết thì coi như tán thành. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần.

Điều 14. Biên bản và nghị quyết Đại hội

1. Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung của Đại hội phải được Ban thư ký ghi vào biên bản. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
2. Căn cứ Biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu biểu quyết, Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
3. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp được lưu giữ tại trụ sở Công ty theo quy định.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 15. Trật tự Đại hội

1. Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức Đại hội.
2. Cổ đông có nhu cầu sao chép tài liệu, ghi âm phải đăng ký với Chủ tọa và hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp có những thông tin sai lệch với nội dung Đại hội.
3. Giữ trật tự Đại hội, không sử dụng điện thoại di động trong quá trình họp. Tắt cả các máy điện thoại khi mang vào cuộc họp phải tắt máy hoặc để ở chế độ rung.
4. Chấp hành quy chế Tổ chức Đại hội và sự điều khiển cuộc họp của Chủ tọa.

Điều 16. Trường hợp tiến hành Đại hội không thành công

5.1. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này thì việc triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các Cổ đông và các đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

6.2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là họp lệ.

CHƯƠNG V HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 5 chương, 17 Điều được Đoàn Chủ tịch Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh áp dụng, thông qua và có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên 2023⁵ Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh.
2. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
3. Cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Formatted: Indent: Left: 0 cm, First line: 1 cm, Numbered + Level: 1 + Numbering Style: 1, 2, 3, ... + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 0.63 cm + Indent at: 1.27 cm

8

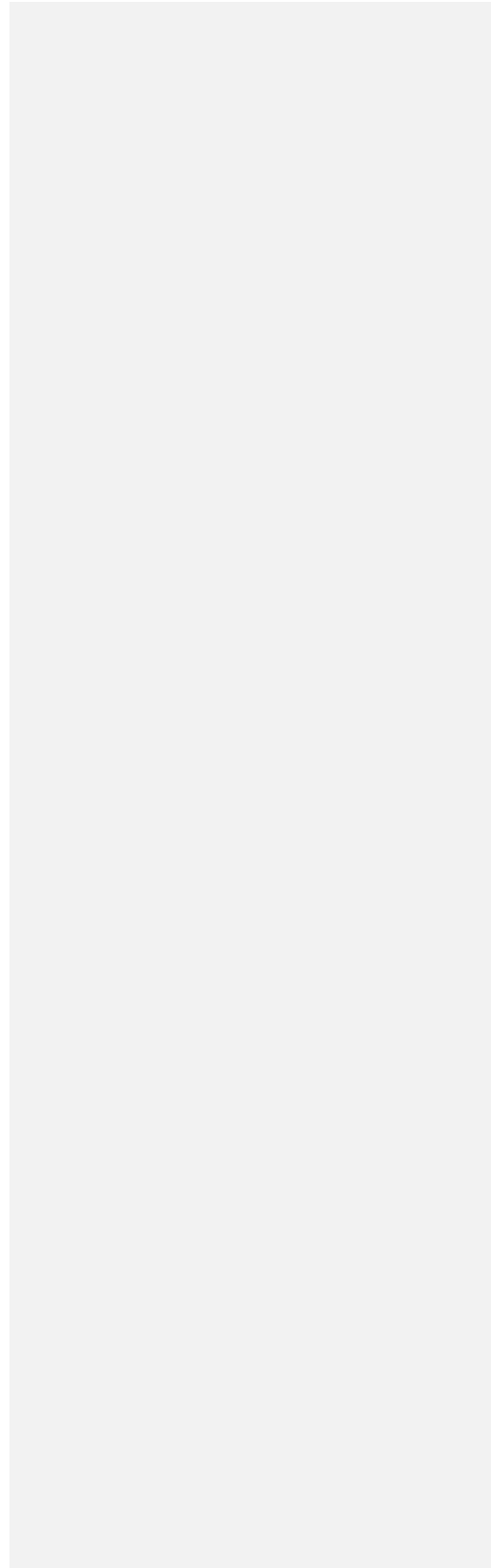
Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

**T/M. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Đã ký

Nguyễn Tiến Long





CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025



Mã phiếu in

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU:

Họ và tên Đại biểu:

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Tờ trình đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Tờ trình phê duyệt chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2024 và kế hoạch năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Báo cáo về việc vay vốn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m ³ /ngđ) và tuyển ống truyền tải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Đại biểu đánh dấu chọn (✓) vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/ Không tán thành/ Không có ý kiến** đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày tháng năm 2025

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)

Bắc Ninh, ngày tháng 03 năm 2025

Dự thảo

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2025
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH BẮC NINH
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính thưa Quý vị đại biểu

Thưa Quý cổ đông Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh xin báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

1. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

Năm 2024, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao. Công tác chỉ đạo của HĐQT luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thực tế diễn biến thị trường để đề ra các quyết sách đúng đắn, phù hợp.

Thực hiện quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT Công ty đã tổ chức chín (09) cuộc họp: tổ chức họp trực tiếp 05 cuộc họp, Xin ý kiến HĐQT: **04 lượt đề tập trung**, giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; xây dựng và phát triển kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. Các nghị quyết được HĐQT thống nhất tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng để Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên HĐQT đều tham dự các cuộc họp HĐQT đầy đủ và đúng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

Các phiên họp HĐQT đều mời Ban Kiểm soát tham dự. Ngoài ra, đối với các vấn đề quan trọng, HĐQT đều mời đại diện các đơn vị, bộ phận chuyên môn có liên quan để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo cho các quyết nghị, quyết định của HĐQT luôn bám sát thực tế, có tính khả thi và hiệu quả cao.

Hội đồng quản trị đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để chỉ đạo Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện.

2. Đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT:

Cơ cấu của HĐQT như sau:

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Ông: Nguyễn Tiến Long | -Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông: Lưu Xuân Tâm | -Phó CT HĐQT - Tổng Giám đốc |
| 3. Ông: Nguyễn Đình Tôn | -Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Bà: Vũ Thị Chuyên | -Thành viên HĐQT |
| 5. Ông: Ngô Minh Châu | -Thành viên HĐQT (miễn nhiệm tháng 5/2024) |

6. Ông: Nguyễn Xuân Quyết -Thành viên HĐQT (bổ nhiệm tháng 5/2024)

- Các thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT (cho ý kiến đầy đủ về các nội dung bằng phương thức lấy ý kiến bằng văn bản) với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo, kiến thức chuyên môn của các thành viên HĐQT, đặt sự phát triển bền vững, lợi ích của Công ty, lợi ích của các Cổ đông lên hàng đầu.

- Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, trong đó:

+ Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT;

+ Các thành viên HĐQT đã có những đóng góp tích cực trong công tác quản lý, giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Kết quả giám sát, đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý của Công ty.

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ của Công ty. Năm 2024 có rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nhưng với sự nỗ lực, cùng tinh thần trách nhiệm cao, Ban điều hành đã tuân thủ nghiêm túc chủ trương, nghị quyết của HĐQT, hoàn thành ở mức tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Tổng Giám đốc Công ty đã bám sát kế hoạch do HĐQT đề ra, kịp thời triển khai linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế; khai thác có hiệu quả các nguồn lực để nỗ lực vượt qua khó khăn.

- Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ Điều lệ, các quy định của pháp luật.

4. Thù lao của HĐQT trong năm 2024.

- Chủ tịch HĐQT: 10 triệu đồng/người/tháng

- Phó Chủ tịch HĐQT: 8 triệu đồng/người/tháng

- Các thành viên HĐQT: 7 triệu đồng/người/tháng

(Thù lao của Hội đồng quản trị được công bố tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán độc lập trình Đại hội)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024.

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Sản xuất nước duy trì cấp nước 24/24, luôn đạt 3 chỉ tiêu: Chất lượng, lưu lượng và áp lực theo quy định của Nhà nước.

- Xây dựng hệ thống cấp nước của Công ty thành hệ thống cấp nước thông minh, hiện đại, phân vùng tách mạng và kiểm soát thất thoát nước online.

- Xây dựng quản lý mạng lưới cấp nước thông minh, hiện đại như: sử dụng phần mềm Citywork để quản lý tài sản, quản lý sửa chữa bảo trì, quản lý khách hàng;

- Thường xuyên chú trọng công tác đảm bảo cấp nước an toàn, an ninh nguồn nước các hệ thống cấp nước, đảm bảo an toàn cho hệ thống xử lý nước, đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh của của doanh nghiệp, duy trì việc làm, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động cũng như lợi ích của các cổ đông;

- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng qua đầu mối tổng đài chăm sóc khách hàng duy nhất; Công ty đang từng bước đưa công nghệ quản lý hệ thống cấp nước theo hướng thông minh, hiện đại.

- Thực hiện nhấn tin thông báo tiền nước tiêu thụ hằng tháng cho khách hàng, thực hiện nhấn tin thông báo cho khách hàng các điểm sục rửa đường ống, các sự cố mất nước theo kế hoạch.

- Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn khách hàng áp dụng hình thức thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt. Toàn Công ty hiện nay đạt tỷ lệ trên 90% khách hàng thanh toán không dùng tiền mặt; hạn chế rủi ro việc lưu thông tiền mặt, giảm được các chi phí cần thiết phục vụ cho lưu thông tiền mặt.

- Đầu tư mở rộng và cải tạo nâng cấp các mạng lưới cấp nước của Công ty đang quản lý để phục vụ khách hàng đảm bảo lưu lượng áp lực.

- Phát triển lắp đặt cụm đồng hồ cấp nước mới cho khoảng 2.800 khách hàng; dịch chuyển đồng hồ nằm ở vị trí khó đọc được khoảng 2.800 cái; kiểm định đồng hồ nước sạch được khoảng 21.000 cái; thay thế các đồng hồ sai hỏng được khoảng 1.200 cái.

- Đầu tư Nâng công suất Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ, gồm các Hạng mục Khu xử lý; bổ sung tuyến ống nước sạch cấp cho nhân dân thị trấn Chờ và các cụm, khu công nghiệp, các vùng lân cận (khi có nhu cầu).

- Việc trích lập các quỹ, chi trả cổ tức theo đúng phê duyệt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Một số kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2024 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tăng, giảm thực hiện năm 2024 so kế hoạch 2024
1	2	3	4	5	6
I	Doanh thu	Triệu đ	274.905	290.867	105,8%
1	Doanh thu nước sạch	Triệu đ	266.518	274.593	103%
2	Cho thuê Tài sản (NM Lim)	Triệu đ	787	787	100%
3	Doanh thu Xây lắp	Triệu đ	600	3.684	614%
4	Doanh thu tài chính	Triệu đ	100	2.813	2.813%
5	Thu nhập khác	Triệu đ	900	1.070	119%
6	Tổng chi phí	Triệu đ	240.907	230.109	95,5%
7	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đ	33.998	61.197	180%
II	Tổng số lao động	người	305	301	98,7%
III	Thu nhập bình quân (người/tháng)	đồng/ng/th	14.660.000	14.800.000	101%
IV	Nộp ngân sách (VAT+TNDN, TN, TCN, MB, Phí thoát nước)	Triệu đ	25.000	20.451	81,8%
V	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đ	28.218	51.279	181,7%
VII	Tỷ lệ lãi cơ bản trên cổ phiếu	%	7,4%	13,58	183,5%

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025:

Bám sát kế hoạch SXKD năm 2025 được ĐHĐCĐ thông qua, đề ban hành các nghị quyết, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện.

Các chỉ tiêu SXKD chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
-----	----------	-------------	-------------------	---------

1	2	3	4	5
I	Doanh thu	Triệu đ	285.253	
1	Doanh thu nước sạch	Triệu đ	273.506	
2	Cho thuê Tài sản (NM Lim)	Triệu đ	787	
3	Doanh thu Xây lắp	Triệu đ	1.700	
4	Doanh thu tài chính	Triệu đ	750	
5	Doanh thu khác	Triệu đ	7.407	
6	Thu nhập khác	Triệu đ	1.103	
7	Tổng chi phí	Triệu đ	252.400	
8	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đ	32.853	
II	Tổng số lao động	người	305	
III	Thu nhập bình quân (người/tháng)	đồng/ng/th	15.300.000	
IV	Nộp ngân sách (VAT+TNDN,TN,TCN,MB, Phí thoát nước)	Triệu đ	30.000	
V	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đ	27.597	
VII	Tỷ lệ lãi cơ bản trên cổ phiếu	%	7,27%	

Ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- Chỉ đạo, quản trị, giám sát hoạt động của Công ty nhằm tiếp tục ổn định và phát triển bền vững, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Đảm bảo duy trì cấp nước 24/24, luôn đạt 3 chỉ tiêu: Chất lượng, lưu lượng và áp lực.

- Công ty ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt chất lượng tốt, giảm dần nguồn nước ngầm cho các hệ thống cấp nước.

- Xây dựng hệ thống cấp nước của Công ty theo hướng thông minh, hiện đại, phân vùng tách mạng theo dõi và kiểm soát thất thoát nước tự động, online, tỷ lệ thất thoát nước chung toàn công ty năm 2025 là 14,3%.

- Chú trọng công tác bảo dưỡng, sửa chữa, các máy móc thiết bị, tuyến ống, cụm đồng hồ luôn kịp thời và đảm bảo kỹ thuật, rút ngắn thời gian xử lý các sự cố ống và sự cố cụm đồng hồ khách hàng sử dụng nước.

- Chú trọng công tác đảm bảo cấp nước an toàn, an ninh nguồn nước, đảm bảo an toàn cho hệ thống cấp nước, mua sắm các loại vật tư, thiết bị, hoá chất dự phòng, phương tiện giao thông chuẩn bị sẵn sàng cho các tình huống sự cố.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng; chủ động tự thiết kế, viết phần mềm công nghệ thông tin quản lý cấp nước, đọc đồng hồ, quản lý mạng lưới đường ống, chống thất thoát, chống thất thu hệ thống cấp nước... Từng bước đưa công nghệ quản lý hệ thống cấp nước theo hướng thông minh, hiện đại.

- Tiếp tục sục rửa mạng đường ống cấp nước bằng phương pháp cầu nút, loại bỏ cặn bám trên thành đường ống sau thời gian sử dụng; Kiểm định các loại đồng hồ đo nước đến hạn theo quy định.

- Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn khách hàng thanh toán tiền nước bằng chuyển khoản không dùng tiền mặt.

- Duy trì việc làm, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động cũng như lợi ích của các cổ đông.

- Tiếp tục công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước phát triển khách hàng.

- Tiếp tục ĐTXD Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyến ống truyền tải theo Quyết định chủ trương đầu tư 197/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 và các quyết định điều chỉnh của các cấp có thẩm quyền;

- Tiếp tục đầu tư Trạm bơm nước thô và bổ sung hồ sơ lắp Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ theo Quyết định chủ trương đầu tư 384/QĐ-UBND ngày 19/07/2019 và các quyết định điều chỉnh của các cấp có thẩm quyền;

- Tiếp tục Đầu tư Nhà quản lý, điều hành cấp nước và trạm bơm tăng áp tại khu đất thuộc phường Hòa Long, thành phố Bắc Ninh theo Quyết định chủ trương đầu tư 683/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư 281/QĐ-UBND ngày 30/05/2024 và các quyết định điều chỉnh của các cấp có thẩm quyền;

- Đầu tư xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước và lắp đặt đồng hồ nước mới cho các hộ dân thuộc 03 phường Bằng An, Quế Tân, Phù Lương, TX Quế Võ; nếu được chấp thuận, thực hiện theo các nội dung quyết định chấp thuận đầu tư của các cấp có thẩm quyền;

- Đầu tư mở rộng Hồ sơ lắp - nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh, diện tích đất sử dụng khoảng 6,5ha thuộc thôn Đức Tái, xã Chi Lăng, thị xã Quế Võ; nếu được chấp thuận, thực hiện theo các nội dung quyết định chấp thuận đầu tư của các cấp có thẩm quyền;

- Đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước Yên Phong 2 thuộc xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; nếu được chấp thuận, thực hiện theo các nội dung quyết định chấp thuận đầu tư của các cấp có thẩm quyền;

- Tổ chức tiếp nhận, đưa vào quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh tài sản là Dự án “Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) (công suất 25.000m³/ngày đêm)” nếu được Chủ sở hữu giao hoặc tham gia đấu giá/đấu thầu/nhận chuyển nhượng/thuê quyền khai thác Dự án/Tài sản này theo hình thức/quyết định của các cấp có thẩm quyền.

- Phối hợp chặt chẽ với các cổ đông trong quá trình hoạt động.

Năm 2025 còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với năng lực và kinh nghiệm của Công ty, bằng các giải pháp cụ thể, hiệu quả, chúng ta sẽ phấn đấu hoàn thành tốt kế hoạch đề ra.

Xin trân trọng cảm ơn !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Long

Bắc Ninh, ngày tháng 04 năm 2025

Dự thảo

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH NĂM 2024

Căn cứ :

Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần nước sạch Bắc ninh (sửa đổi bổ sung năm 2021)

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2024. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2024 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1.Nhân sự của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có 03 thành viên: Bà Trần Thị Hương - Trưởng ban; Bà Nguyễn Thị Mai Lan - Thành viên; Ông Nguyễn Văn An- Thành viên (Miễn nhiệm tháng 5/2024); Ông Nguyễn Hồng Thiện (Bầu bổ sung nhiệm kỳ 2022-2027 tháng 5/2024)

2.Các công việc đã thực hiện trong năm 2024:

Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp, giám sát đánh giá các nội dung:

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của HĐQT và Ban tổng giám đốc
- Giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Ban tổng giám đốc và Hội đồng quản trị theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông và HĐQT năm 2024.
- Công tác soát xét chứng từ, hạch toán kế toán, chấp hành nghĩa vụ với nhà nước...
- Thẩm tra báo cáo tài chính quý; Báo cáo tài chính bán niên; Báo cáo tài chính năm đưa ra các ý kiến nhằm đánh giá tính hợp lý của số liệu tài chính và việc tuân thủ các quy định.
- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin công ty đại chúng: Thay đổi điều lệ, thay đổi nhân sự, đăng ký kinh doanh...
- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh; Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị 6 tháng và năm
- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị, giao ban của Công ty trong việc điều hành hoạt động SXKD, đóng góp ý kiến các dự thảo, xây dựng và điều chỉnh các quy định, quy chế quản trị nội bộ; Đề xuất ý kiến cho công tác kiểm tra nội bộ để phù hợp với thực tế.
- Xem xét phân tích số liệu báo cáo tài chính năm 2024 báo cáo trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

Rà soát quy trình thực hiện công tác tổ chức đại hội đồng cổ đông theo quy định. Tham gia công tác kiểm kê đánh giá giá trị tài sản cuối năm của Công ty

3. Thù lao của Ban kiểm soát: Thực hiện theo Nghị quyết tại đại hội đồng cổ đông ngày 19/4/2024.

II. Kết quả phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát - Ban tổng giám đốc.

HDQT - Ban kiểm soát - Ban tổng giám đốc với tinh thần trách nhiệm và xây dựng. Trong quá trình hoạt động Ban kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi đóng góp ý kiến với HDQT, Ban tổng giám đốc trong các cuộc họp, xây dựng nghị quyết, quyết định của HDQT, Ban tổng giám đốc phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty và các chính sách theo quy định.

-Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông báo mời dự họp; Nhận được sự tạo điều kiện của các phòng ban trong Công ty trong việc cung cấp các tài liệu cho công tác kiểm tra. Các phiếu xin ý kiến, tờ trình, biên bản, nghị quyết, quyết định của HDQT đều được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.

III. Kết quả giám sát hoạt động của HDQT, Ban Tổng giám đốc.

1. Công tác quản trị :

-HDQT tập trung vào việc triển khai nội dung Nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2024 và các nghị quyết trong năm đã ban hành. Xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án.

-Thẻ thức họp, nội dung, biên bản họp, các nghị quyết và văn bản của HDQT phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ. Trong năm HDQT đã ban hành 9 nghị quyết trong đó có 5 nghị quyết biểu quyết trực tiếp và 4 nghị quyết được lấy phiếu ý kiến bằng văn bản.

2. Công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc:

-Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện kịp thời đầy đủ các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, sử dụng vốn, tài sản hợp lý.

-Các chỉ tiêu về chất lượng nước được kiểm soát chặt chẽ đạt QCVN01-1:2018/BYT; QCĐP:2021/BN và ISO/IEC 17025: 2017; Tăng cường công tác nội kiểm; Công tác kiểm tra của Ban cấp nước an toàn Công ty về chất lượng và an ninh nguồn nước tại các nhà máy.

-Xây dựng mới và điều chỉnh lại một số quy trình làm việc cho phù hợp với thực tế, gán trách nhiệm làm việc của từng đơn vị bộ phận nhằm tăng hiệu quả điều hành SXKD

-Quyết liệt trong công tác triển khai tuyên truyền vận động khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt. Năm 2024 đạt 93% và vượt so với kế hoạch là 3%; Kế hoạch năm 2025 sẽ đạt 100%. Công tác chuyên đồng hồ khó đọc để giảm tỷ lệ thất thoát, Điều chỉnh lại kế hoạch sục rửa nhằm nâng cao chất lượng nước

-Tiếp tục triển khai thực hiện dự Đầu tư mở rộng Hồ sơ lắng- nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh; Đầu tư xây dựng nhà quản lý, điều hành cấp nước và Trạm tang áp; Đầu tư XD trạm bơm nước thô và bổ sung hồ sơ lắng nhà máy nước thị trấn Chờ.

-Tiếp tục triển khai công tác kiểm định đồng hồ, năm 2024 đã kiểm định được 21.000 đồng hồ đến hạn

-Chỉ đạo quyết liệt chống thất thoát: Phân vùng tách mạng thay thế kiểm định mới các đồng hồ. Xây dựng kế hoạch cụ thể theo tuần tháng năm. Cuối năm thực hiện việc đánh giá xếp loại hoàn thành các nhà máy với chỉ tiêu thất thoát đã được giao trong năm.

-Vận động các nhân viên nữ tham gia học tập về công tác vận hành khi việc thu tiền chuyển từ tiền mặt sang chuyển khoản.

-Điều hành công tác SXKD theo kế hoạch năm như nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông đã thông qua ngày 19/4/2024 đạt kết quả cao.

IV. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024.

1. Kết quả giám sát một số các chỉ tiêu thực hiện theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2024 và so với năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2024 (triệu đồng)	Tỷ lệ (%) đạt được	Thực hiện năm 2023 (triệu đồng)	Tỷ lệ (%) thực hiện năm 2024 so với năm 2023
1	Tổng doanh thu:	274.905	290.867	106	258.797	112
	Trong đó:					
	-Doanh thu nước	266.518	274.593	103	242.872	113
	-Doanh thu XL	600	3.684	614	4.573	81
	-Cho thuê tài sản	787	787	100	787	100
	-Doanh thu tài chính	100	2.813	2.813	3.378	83
	-Thu nhập khác	900	1.070	119	881	121
	-Doanh thu khác	6.000	7.920	132	6.306	126
2	Tổng chi phí	240.907	230.109	95	218.184	105
3	Lợi nhuận trước thuế	33.998	61.197	180	40.613	151
4	Tổng số lao động (người)	305	301	99	296	102
5	Thu nhập bình quân (triệu/người/tháng)	14,66	14,8	101	14,6	101
6	Nộp ngân sách	25.000	20.451	82	17.861	115
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.218	51.279	182	35.475	145
8	Lãi cơ bản/cổ phiếu (đồng)	740	1.358	183	937	145

*Kết quả năm 2024 các chỉ tiêu đều vượt so với kế hoạch do doanh thu tăng, tăng giá nước và tăng sản lượng nước tiêu thụ.

2-Kết quả giám sát tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được lập tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC (Công ty đã được lựa chọn thông qua tại đại hội đồng cổ đông năm 2024), số liệu trong báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý. Sổ sách kế toán được hạch toán đầy đủ rõ ràng các chi phí sản xuất và kết quả kinh doanh trong kỳ báo cáo (Số liệu báo cáo tài chính: Chi tiết đã đăng trên website Công ty)

3-Nhận xét đánh giá một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo kết quả SXKD năm 2024:

-Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12: 30.986 triệu đồng, đáp ứng nhu cầu về vốn cho các khoản thanh toán nhanh của Công ty

-Giá trị tồn kho: 18.262 triệu đồng trong đó: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình: Xử lý công qua đề còn kéo dài vẫn đang chờ xử lý: 8.203 triệu đồng.

- Chi phí QLDN tăng so với năm 2023 tăng do chủ yếu tăng tiền lương; tăng chi phí mua ngoài và đặc biệt là tăng do tăng chi phí dự phòng: 1.240 triệu đồng

-Giá vốn tăng so với 2023 chủ yếu do tăng chi phí tiền lương: 4.125 triệu đồng, chi phí bảo hiểm, chi phí khấu hao do trong năm 1 số dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng như hệ thống khu xử lý – Nâng công suất Chờ: 5.155 triệu đồng; Hệ thống van giảm áp; Trạm biến áp 400KvA -22/0.4kv - Nâng công suất Nhà máy Chờ: 468 triệu đồng và một số hạng mục nhỏ khác

-Phải thu ngắn hạn (chủ yếu là khách hàng dùng nước khu vực Bắc Ninh - Kỳ thu tiền nước sau kỳ kế toán): 15.374 triệu đồng

-Phải trả người bán ngắn hạn: 39.976 triệu đồng: Chủ yếu là phải trả nhà cung cấp vật tư thực hiện dự án giai đoạn 3: 31.756 triệu đồng; Tiền mua nước của Công ty Sông cầu: 1.070 triệu đồng và các nhà cung cấp khác: 7.000 triệu đồng.

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 200.346 triệu đồng trong đó chủ yếu là của dự án Nhà máy nước mặt giai đoạn 3: 189.293 triệu đồng; Trụ sở Công ty: 3.712 triệu đồng, cấp nước cho khu công nghiệp Yên phong 2A: 6.152 triệu đồng; 1 số công trình khác: 1.007 triệu đồng

-Các khoản nợ vay của các khoản vay thực hiện các dự án đều được trả nợ vay đúng hạn, không có nợ xấu.

****Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2024 so với 2023:

-Khả năng thanh toán: Các hệ số thanh toán lãi vay; thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đáp ứng khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
-Hệ số thanh toán lãi vay (lần)	6,2	4,1
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (triệu đồng)	72.968	53.922
Lãi vay phải trả (triệu đồng)	11.771	13.309
-Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,1	1,3

Tài sản ngắn hạn (triệu đồng)	158.940	124.250
Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	141.625	96.390
-Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,99	1,1
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho (triệu đồng)	140.678	105.711
Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	141.625	96.390

-Cơ cấu vốn (%): Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu tăng hơn so với năm 2024 hệ số an toàn tài chính tốt :

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
Tỷ lệ (%)	0,53	0,45
Nợ phải trả(triệu đồng)	479.918	335.964
Tổng Tài sản(triệu đồng)	906.953	746.646
Tỷ lệ (%)	1,12	0,82
Nợ phải trả(triệu đồng)	479.918	335.964
Vốn chủ sở hữu(triệu đồng)	427.035	410.681

-Hiệu quả sinh lời: Năm 2024 đạt hiệu quả cao so với năm 2023 do năm 2024 Công ty tăng giá nước, tăng sản lượng nước. Tiết kiệm phí đầu vào.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
-Lợi nhuận sau thuế	51.279.2137.33	35.475.435.785
-TSCĐ	512.154.986.509	551.866.932.022
*Tỷ suất sinh lời của tài sản cố định	0,100	0,064
Trong kỳ bình quân cứ 1000 đồng tài sản cố định đưa vào sử dụng thì tạo ra 100 đồng lợi nhuận sau thuế . Tỷ suất này tăng mạnh so với năm 2023 là 36 đồng do Lợi nhuận sau thuế 2024 tăng mạnh.		
-Lợi nhuận sau thuế	51.279.213.733	35.475.435.785
-Tổng tài sản	906.953.596.717	746.646.337.625
*Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản	0,06	0,05

Trong kỳ bình quân cứ 1000 đồng tài sản đưa vào sử dụng thì tạo ra 60 đồng lợi nhuận sau thuế, tỷ suất này tăng so với năm 2023 do một số tài sản đã được đưa vào sử dụng đạt hiệu quả cao.		
-Lợi nhuận sau thuế	51.279.213.733	35.475.435.785
-Vốn chủ sở hữu	427.035.123.733	410.681.345.785
*Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	0,12	0,09
*Trong kỳ bình quân cứ 1000 đồng vốn chủ sở hữu đầu tư thì tạo ra được 120 đồng lợi nhuận sau thuế tăng so với năm 2023 là 30 đồng		
-Lợi nhuận sau thuế	51.279.213.733	35.475.435.785
-Doanh thu	286.984.251.029	254.538.238.109
*Tỷ suất sinh lời trên doanh thu	0,18	0,14
Trong kỳ bình quân cứ 1000 đồng doanh thu thì tạo ra được 180 đồng lợi nhuận sau thuế, tăng so với cùng kỳ năm 2023 là 40 đồng do tăng sản lượng		
-Lợi nhuận sau thuế	51.279.213.733	35.475.435.785
Chi thù lao hội đồng quản trị	-288.000.000	-288.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.549.391	37.549.391
*Thu nhập mỗi cổ phiếu	1.358	937
*Trong năm mỗi cổ phiếu đã mang lại 1.358 đồng lợi nhuận tăng so với năm 2023 là 421 đồng.		

Với kết quả trên. Công ty đáp ứng tốt các khoản thanh toán, trả nợ và đạt được kết quả kinh doanh cao.

Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty TNHH hăng kiểm toán AASC kiểm toán.

VI. Kết luận và kiến nghị

HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong quá trình chỉ đạo điều hành Công ty, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2024 theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của HĐQT. Công bố thông tin Công ty đại chúng kịp thời. Trong năm, Công ty không phát sinh vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động SXKD cũng như các xung đột lợi ích với những người có liên quan.

Công tác quản lý tài chính hiệu quả. Nộp ngân sách nhà nước và các loại phí thuế đầy đủ, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động đúng quy định. Tiếp tục đầu tư và mở rộng thêm hệ thống cấp nước: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt công suất 45.000m³/ngđ đã cơ bản hoàn thành và chuyển giao vận hành, công tác kiểm soát chất lượng

nước thường xuyên liên tục, chăm sóc khách hàng nhanh và hiệu quả, đặc biệt giao chỉ tiêu thất thoát nước cho các đơn vị đã giảm đến mức thấp đáng kể. Đảm bảo chất lượng nước. Tiếp tục thực hiện vận động khách hàng thanh toán tiền nước bằng chuyển khoản không dùng tiền mặt theo đúng kế hoạch đã xây dựng. Xây dựng lại và điều chỉnh các định mức công việc cho phù hợp với thực tế. Áp dụng công nghệ thông tin trong việc thiết kế, thi công, lắp đặt, lập trình điều khiển từ xa và giám sát các thiết bị máy móc nhằm tối ưu hóa mang lại hiệu quả sxkd cao.

Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT và Ban Tổng giám đốc một số vấn đề sau:

-Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho giai đoạn từ 3 đến 5 năm hoặc theo nhiệm kỳ.

- Khi có kết quả SXKD của mỗi quý đề nghị tổ chức các cuộc họp để đánh giá và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho quý tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn.

- HĐQT đã thông qua và Công ty đã thực hiện việc xử lý các khoản nợ khó đòi của một số cá nhân đơn vị, tuy nhiên HĐQT vẫn tiếp tục yêu cầu Công ty tiếp tục thu hồi.

-Giá vốn trên doanh thu của nhà máy Lim đang rất cao, tài sản cho thuê này đang bị lỗ.

-Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang còn rất lớn kéo dài nhiều năm: Công trình xử lý sự cố công lấy nước qua đê: 8.203 triệu đồng chưa được xử lý dứt điểm, đề nghị Công ty tiếp tục đề nghị các bên liên quan giải quyết.

-Để có kết quả kinh doanh cao đề nghị Công ty tiếp tục tuyên truyền vận động khách hàng dùng nước như hiện nay số lượng khách hàng không ra hóa đơn cũng còn tương đối lớn: Nhà máy nước Chờ: 597/4.802 khách hàng chiếm 12,4%; Khu vực Từ Sơn: 580/6.216 khách hàng chiếm 9,3%; Nhà máy nước Gia Bình: 598/8.026 khách hàng chiếm 7,4%;

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát cho năm tài chính 2024 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông
- HĐQT; Tổng giám đốc;
- Lưu BKS

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Hương

Phụ lục 1. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ Thực hiện năm 2024 so với 2023	Tỷ lệ Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ kế hoạch 2025 so với thực hiện 2024
1	2	3	4	5	6	(7)=(6)/(4)	(8)=(6)/(5)	9	(10)=(9)/(6)
A	SẢN XUẤT NƯỚC:								
I	Sản lượng nước thô	m³	30.039.416	31.867.277	31.532.842	104,97%	98,95%	33.795.748	107,2%
1	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	m ³	2.696.280	1.166.400	1.379.050	51,15%	118,23%	744.600	54,0%
2	Nhà máy nước mặt thành phố BN	m ³	22.398.643	25.660.687	25.202.720	112,52%	98,22%	27.816.125	110,4%
3	NMN Thừa	m ³	1.465.503	1.523.393	1.540.473	105,12%	101,12%	1.542.000	100,1%
4	NMN Gia Bình	m ³	1.587.267	1.528.372	1.380.350	86,96%	90,32%	1.499.389	108,6%
5	NMN TT Chờ	m ³	1.891.723	1.988.425	2.030.249	107,32%	102,10%	2.193.634	108,0%
II	Sản lượng nước sạch	m³	32.065.613	33.933.275	33.343.313	103,98%	98,26%	35.760.655	107,2%
1	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	m ³	2.652.134	1.154.736	1.366.208	51,51%	118,31%	737.154	54,0%
2	Mua nước sạch Cty Sông Cầu	m ³	3.445.073	3.650.000	3.057.310	88,74%	83,76%	3.285.000	107,4%
3	Nhà máy nước mặt thành phố BN	m ³	21.449.032	24.505.956	24.296.488	113,28%	99,15%	26.981.641	111,1%
3.1	Cấp nước sạch lên tp BN	m ³	15.158.926	17.184.252	17.235.066	113,70%	100,30%	18.968.546	110,1%
3.2	Cấp nước sạch cho xí nghiệp Quế võ	m ³	6.948.941	7.321.704	7.061.422	101,62%	96,45%	8.013.095	113,5%
4	NMN Thừa	m ³	1.240.545	1.246.457	1.186.287	95,63%	95,17%	1.192.178	100,5%
5	NMN Gia Bình	m ³	1.445.474	1.467.237	1.427.970	98,79%	97,32%	1.445.101	101,2%
6	NMN TT Chờ	m ³	1.809.631	1.908.888	2.007.302	110,92%	105,16%	2.119.581	105,6%
6.1	Cấp thị trấn Chờ	m ³	873.178	893.619	945.630	108,30%	105,82%	1.004.543	106,2%
6.2	Cấp 3 phường thuộc TX Từ Sơn	m ³	936.453	1.015.269	1.061.672	113,37%	104,57%	1.115.038	105,0%
7	Mua nước sạch từ NMN Long Châu Trung Nghĩa	m ³			1.551			-	0,0%
8	Mua nước sạch Công ty An Việt cấp 3 phường Từ Sơn	m ³	23.724	-	197	0,83%		-	0,0%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ Thực hiện năm 2024 so với 2023	Tỷ lệ Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ kế hoạch 2025 so với thực hiện 2024
1	2	3	4	5	6	(7)=(6)/(4)	(8)=(6)/(5)	9	(10)=(9)/(6)
9	Tổng nước sạch cấp 3 phường Từ Sơn	m ³	960.177	1.015.269	1.063.420	110,75%	104,74%	1.115.038	104,9%
III	Sản lượng nước tiêu thụ	m³	27.477.394	28.986.323	29.751.198	108,28%	102,64%	31.774.515	106,8%
1	Khu vực TP Bắc Ninh	m ³	17.596.141	18.470.750	19.003.255	108,00%	102,88%	20.047.890	105,5%
2	XNCN Quế Võ	m ³	6.165.065	6.634.028	6.844.701	111,02%	103,18%	7.612.440	111,2%
3	NMN Thửa	m ³	988.374	1.022.095	997.018	100,87%	97,55%	1.014.543	101,8%
3.1	NMN thửa bán nước thô	m ³	212.704	225.000	307.395	144,52%	136,62%	312.000	101,5%
4	NMN Gia Bình	m ³	1.185.436	1.217.807	1.211.207	102,17%	99,46%	1.232.671	101,8%
5	NMN TT Chờ	m ³	739.018	768.512	811.355	109,79%	105,57%	863.907	106,5%
6	3 phường thuộc TX Từ Sơn	m ³	803.360	873.131	883.662	110,00%	101,21%	1.003.063	113,5%
IV	Số lượng khách hàng	hộ	98.640	98.324	97.622	98,97%	99,29%	83.704	85,7%
1	Khu vực thành phố Bắc Ninh	hộ	58.195	59.993	59.794	102,75%	99,67%	60.273	100,8%
2	XNCN Quế Võ	hộ	15.351	12.426	11.835	77,10%	95,24%	3.407	28,8%
3	NMN Thửa	hộ	6.366	6.462	6.497	102,06%	100,54%	6.615	101,8%
4	NMN Gia Bình	hộ	7.862	8.042	8.020	102,01%	99,73%	8.164	101,8%
5	NMN TT Chờ	hộ	4.863	5.211	5.061	104,07%	97,12%	5.244	103,6%
6	3 phường thuộc TX Từ Sơn	hộ	6.003	6.190	6.415	106,86%	103,63%	1	0,0%
V	Tỷ lệ thất thoát mạng đường ống								
1	Thành phố Bắc Ninh	%	17,2%	16,00%	12,26%	-4,96%	-3,74%	12,8%	0,54%
2	XNCN Quế Võ (tính tổng bán buôn)	%	11,3%	9,4%	3,07%	-8,21%	-6,33%	5,0%	1,93%
2.1	XNCN Quế Võ (tách phần bán buôn)	%	17,1%	16,0%	5,3%	-11,81%	-10,72%	14,4%	9,12%
3	NMN Thửa	%	20,3%	18,0%	15,95%	-4,37%	-2,05%	14,9%	-1,05%
4	NMN Gia Bình	%	18,0%	17,0%	15,18%	-2,81%	-1,82%	14,7%	-0,48%
5	NMN TT Chờ (tính tổng bán Từ Sơn)	%	7,4%	6,55%	6,69%	-0,72%	0,14%	6,6%	-0,05%
5.1	NMN TT Chờ (tách bán Từ Sơn)	%	15,4%	14,0%	14,20%	-1,17%	0,20%	14,0%	-0,20%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ Thực hiện năm 2024 so với 2023	Tỷ lệ Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ kế hoạch 2025 so với thực hiện 2024
1	2	3	4	5	6	(7)=(6)/(4)	(8)=(6)/(5)	9	(10)=(9)/(6)
	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	(gam/m3)	43,02	50,00	50,860	1,18	0,86	50,000	(0,860)
	Nhà máy nước mặt	(gam/m3)	20,18	18,00	18,890	0,94	0,89	20,000	1,110
	NMN Thừa	(gam/m3)	13,60	15,60	15,700	1,15	0,10	16,000	0,300
	NMN Gia Bình	(gam/m3)	16,000	16,000	15,000	0,94	(1,00)	16,000	1,000
	NMN TT Chờ	(gam/m3)	24,60	25,00	23,300	0,95	(1,70)	24,000	0,700
4	Lượng vôi tiêu thụ								
	<i>Tổng lượng vôi tiêu thụ của Cty</i>								
	Nhà máy nước Bắc Ninh	gam/m3	77,24	80,00	79,890	1,03	(0,11)	80,000	0,110
B	CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP:								
I	Tổng doanh thu	Triệu đ	258.797	274.905	290.867	112,39%	105,81%	285.253	98,1%
1	Doanh thu nước sạch	Triệu đ	242.872	266.518	274.593	113,1%	103,0%	273.506	99,6%
1.1	Khu vực thành phố Bắc Ninh	Triệu đ	159.089	175.453	179.743	113,0%	102,4%	189.530	105,4%
1.2	XNCN Quế Võ	Triệu đ	49.370	52.999	56.773	115,0%	107,1%	45.676	80,5%
1.3	NMN Thừa	Triệu đ	9.655	10.431	10.379	107,5%	99,5%	10.565	101,8%
1.4	NMN Gia Bình	Triệu đ	10.734	11.642	11.546	107,6%	99,2%	11.871	102,8%
1.5	NMN TT Chờ	Triệu đ	6.806	7.507	7.736	113,7%	103,1%	8.128	105,1%
1.6	3 phường thuộc TX Từ Sơn	Triệu đ	7.218	8.486	8.416	116,6%	99,2%	7.736	92%
2	Cho thuê Tài sản (NM Lim)	Triệu đ	787	787	787	100%	100%	787	100%
3	Doanh thu Xây lắp	Triệu đ	4.573	600	3.684	81%	614%	1.700	46%
4	Doanh thu tài chính	Triệu đ	3.378	100	2.813	83%	2813%	750	27%
5	Doanh thu khác	Triệu đ	6.306	6.000	7.920	126%	132%	7.407	94%
6	Thu nhập khác	Triệu đ	881	900	1.070	121%	119%	1.103	103%
II	Tổng chi phí	Triệu đ	218.184	240.907	230.109	105,5%	95,5%	252.400	110%
III	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đ	40.613	33.998	61.197	150,7%	180,0%	32.853	54%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ Thực hiện năm 2024 so với 2023	Tỷ lệ Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ kế hoạch 2025 so với thực hiện 2024
1	2	3	4	5	6	(7)=(6)/(4)	(8)=(6)/(5)	9	(10)=(9)/(6)
IV	Tổng số lao động (Kế hoạch năm 2025 tuyển dụng thêm 06 người, giảm 02 người do nghỉ hưu)	người	296	305	301	101,7%	98,7%	305	101%
V	Thu nhập bình quân (Kế hoạch tổng quỹ lương năm 2025 dự kiến: 1.796đ/m3 x 31,774.515m3 (sản lượng nước tiêu thụ) = 57.067 triệu đồng)	Triệu đ/ng/th	14,60	14,66	14,8	101,4%	101,0%	15,3	103%
VI	Nộp ngân sách (VAT+TNDN,TN,TCN,MB, Phí thoát nước)	Triệu đ	17.861	25.000	20.451	114,5%	81,8%	30.000	147%
VII	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đ	35.475	28.218	51.279	144,5%	181,7%	27.597	54%
VIII	Tỷ lệ lãi cơ bản trên cổ phiếu	%	9,37	7,40	13,58	144,9%	183,5%	7,27	54%

Ghi chú:

- Năm 2024 trả lại (3606 khách hàng) thuộc 4 xã Chi Lăng, Hán Quảng, Quế Tân, Phù Lương cho Công ty cổ phần xây lắp và công nghệ Châu Âu
- Công ty ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt chất lượng tốt, giảm dần nguồn nước ngầm cho các hệ thống cấp nước; Khi Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m3/ngđ) hoàn thành đưa vào sử dụng, nguồn nước ngầm làm nguồn dự phòng trong trường hợp sự cố, Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh chuyển sang sử dụng nguồn nước mặt.
- Hiện nay Nhà máy nước mặt Bắc Ninh đang chạy vượt công suất theo giấy phép khai thác nước (công suất theo giấy phép khai thác nước hiện nay là 49.500 m3/ngđ), công ty đang làm hồ sơ xin cấp phép khai thác 100.000 m3/ngđ. Trong thời gian chờ được cấp Giấy phép khai thác nước mới, Nhà máy nước mặt Bắc Ninh sẽ chạy vượt khoảng 53,5% so với giấy phép khai thác nước hiện có cho đến khi được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác 100.000 m3/ngđ.
- Một số ngày nắng nóng, lễ, Tết...(nhu cầu dùng nước của khách hàng tăng đột biến) Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ không đủ công suất cấp nước, lượng nước cấp bổ sung sẽ mua của Nhà máy cấp nước lân cận.
- Dự kiến 01/01/2025 sẽ bàn giao trả lại 4 Phường ở thị xã Quế Võ: Phương Liễu - Phương Mao - Việt Hùng - Bồng Lai, từ ngày 01/08/2025 sẽ bàn giao trả lại 3 Phường tại Thành Phố Từ Sơn: Đồng Kỵ - Đồng Nguyên - Tân Hồng cho Công ty CP tập đoàn Long Phương.

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động SXKD năm 2024, xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2025

Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2024, xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2025 như sau:

A. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2024

I. Công tác sản xuất kinh doanh nước sạch

1. Sản xuất nước duy trì cấp nước 24/24, luôn đạt 3 chỉ tiêu: Chất lượng, lưu lượng và áp lực. Các chỉ tiêu chất lượng nước sạch được kiểm soát chặt chẽ, luôn phải đạt theo Quy chuẩn QCVN01: 2018/BYT của Bộ Y tế, Quy chuẩn địa phương QCDP 01:2021/BN và các tiêu chuẩn quy định của Nhà nước. Quản lý hệ thống chất lượng theo ISO/IEC 17025:2017.

2. Xây dựng hệ thống cấp nước của Công ty thành hệ thống cấp nước thông minh, hiện đại, phân vùng tách mạng và kiểm soát thất thoát nước online, Năm 2024 Công ty đã tự thiết kế, nâng cấp cải tạo các trạm bơm nước sạch, trạm bơm tăng áp của Công ty được vận hành tự động theo điểm áp lực đặc trưng ngoài mạng lưới cấp nước; lắp đặt các van giảm áp để điều tiết áp lực trên MLCN, đã cải tạo cài đặt van giảm áp tự động điều tiết áp lực MLCN theo chế độ phù hợp nhu cầu dùng nước ngày đêm; tỷ lệ thất thoát nước chung toàn công ty năm 2024 là **14,61%**.

•**Hiệu quả:** Tiết kiệm chi phí, nhân lực vận hành các trạm bơm, chủ động vận hành bơm phù hợp với áp lực cần thiết, góp phần quản lý ổn định áp lực phù hợp và giảm thất thoát trên MLCN. Tỷ lệ thất thoát năm 2024 giảm so với kế hoạch khoảng 2% tương đương với khoảng 789.000m³ nước sạch sản xuất, giá trị lợi ích mang lại khoảng 2,5 tỷ đồng.

3. Xây dựng quản lý mạng lưới cấp nước thông minh, hiện đại như: sử dụng phần mềm Citywork để quản lý tài sản, quản lý sửa chữa bảo trì, quản lý khách hàng; cán bộ công ty đã tự thiết kế và lắp đặt các cụm datalogger theo dõi lưu lượng/áp lực từ xa trên mạng đường ống cấp nước để khai thác, quản lý số liệu SCADA tập trung; lắp đặt hệ thống châm hóa chất tự động tại Nhà máy nước mặt Bắc Ninh; lắp đặt thiết bị theo dõi mức nước bể chứa, dung tích bể chứa nước sạch từ xa đưa dữ liệu lên bản đồ online điều tiết mạng lưới cấp nước; sử dụng phần mềm ACAD Reader để quản lý bản vẽ hoàn công trên điện

thoại di động smartphone, góp phần tiết kiệm chi phí in hồ sơ bản vẽ, thuận lợi trong công tác quản lý quản lý mạng của CBCNV.

•**Hiệu quả:** Có thể quản lý mạng lưới cấp nước, quản lý dữ liệu khách hàng, theo dõi lưu lượng, áp lực từ xa... thông qua các app phần mềm trên điện thoại thông minh thay vì phải đến trực tiếp điểm đo để lấy số liệu.

4. Công tác lắp đặt cụm đồng hồ cấp nước đảm bảo theo nhu cầu khách hàng. Công ty đã thực hiện lắp đặt miễn phí đồng hồ nước cho khách hàng với chiều dài đường ống nhánh $\leq 10m$ (các khách hàng đủ điều kiện lắp đặt gồm có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có nhà ở và vị trí lắp đặt cụm đồng hồ ổn định).

5. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, tuyến ống, cụm đồng hồ... luôn kịp thời và đảm bảo kỹ thuật, đảm bảo thời gian. Công ty đã thực hiện sửa chữa miễn phí từ cụm đồng hồ trở ra cho khách hàng với các sự cố hư hỏng do nguyên nhân khách quan. Thời gian xử lý các sự cố ống và sự cố cụm đồng hồ khách hàng sử dụng nước đã được rút ngắn so với năm 2024.

6. Thường xuyên chú trọng công tác đảm bảo cấp nước an toàn, an ninh nguồn nước các hệ thống cấp nước, đảm bảo an toàn cho hệ thống xử lý nước, đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh của của doanh nghiệp, duy trì việc làm, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động cũng như lợi ích của các cổ đông;

7. Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng qua đầu mỗi tổng đài chăm sóc khách hàng duy nhất; chủ động tự thiết kế, viết phần mềm công nghệ thông tin quản lý cấp nước, đọc đồng hồ, quản lý mạng lưới đường ống, chống thất thoát, thất thu hệ thống cấp nước như: Tiếp nhận đơn lắp mới của khách hàng, Quản lý số liệu sản xuất, Quản lý công việc... Công ty đang từng bước đưa công nghệ quản lý hệ thống cấp nước theo hướng thông minh, hiện đại.

8. **Hiệu quả:** Tổng đài trung tâm chăm sóc khách hàng là 1 đầu mối duy nhất để tiếp nhận và xử lý toàn bộ các thông tin, thắc mắc, khiếu nại của khách hàng về dịch vụ cấp nước, giúp kiểm soát tốt quá trình và thời gian thực hiện công việc; các phần mềm ứng dụng quản lý giúp tiết kiệm nhiều thời gian trong công tác cập nhật/phân tích số liệu, quản lý nhanh gọn, chính xác. Thực hiện tốt công tác áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý khách hàng đọc đồng hồ bằng điện thoại thông minh; tập trung giải quyết nâng đồng hồ sâu, chuyên đồng hồ khó đọc, đồng hồ khó tiếp cận, rà soát thay thế những đồng hồ đã sử dụng lâu năm và kiểm định đồng hồ nước theo kế hoạch đã xây dựng.

9. Thực hiện nhắn tin thông báo tiền nước tiêu thụ hằng tháng cho khách hàng, thực hiện nhắn tin thông báo cho khách hàng các điểm sục rửa đường ống, các sự cố mất nước theo kế hoạch.

10. Thực hiện sục rửa đường ống cấp bằng phương pháp đưa cầu nút vào đường ống để nâng cao hiệu quả làm sạch đường ống cấp nước, đã xây mới được 323 hố ra vào cầu, nâng tổng số lên 813 hố ra vào cầu, xây dựng mới 559 hố đầu bịt tuyến ống dịch vụ phục vụ công tác sục rửa, đã sục rửa lần 2 tuyến ống cấp nước phân phối $D \geq 90\text{mm}$ (khoảng 158 km đường ống);

•**Hiệu quả:** Loại bỏ các cặn bẩn còn sót lại trong nước bám vào thành ống sau khoảng thời gian sử dụng (trung bình 1 năm), tăng chất lượng nước sạch, nâng cao dịch vụ cấp nước.

11. Công tác kiểm định đồng hồ nước sạch được duy trì, thường xuyên theo quy định: năm 2024 đã kiểm 21.000 đồng hồ đến hạn kiểm định.

•**Hiệu quả:** Giúp Công ty và khách hàng xác định được tình hình sử dụng của thiết bị đo đếm nước, thiết bị còn nguyên vẹn, không bị hư hỏng, bung nắp hay bị sai lệch trong cấu trúc vận hành từ đó nâng cao dịch vụ cấp nước của Công ty.

12. Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn khách hàng áp dụng hình thức thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt.

•**Kết quả:** Toàn Công ty hiện nay đạt tỷ lệ trên 90% khách hàng thanh toán không dùng tiền mặt; hạn chế rủi ro việc lưu thông tiền mặt, giảm được các chi phí cần thiết phục vụ cho lưu thông tiền mặt. Từ đó làm giảm thiểu chi phí giúp tiết kiệm thời gian, giảm nhân công cho công tác thu tiền.

II. Công tác đầu tư phát triển các dự án cấp nước

1. Các hạng mục đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng:

1.1. Đầu tư mở rộng và cải tạo nâng cấp các mạng lưới cấp nước của Công ty đang quản lý để phục vụ khách hàng đảm bảo lưu lượng áp lực: Đã thực hiện kiểm định đồng hồ theo quy định; thay thế các đồng hồ nước sai hỏng; dịch chuyển các tuyến ống khi các cơ quan yêu cầu, thay thế các tuyến ống đã cũ thường xuyên bục vỡ (khoảng 2,7 km); lắp đặt hệ thống van giảm áp bổ sung 06 cái, nâng tổng số van giảm áp trên HTCN của Công ty là 10 cái; lắp đặt các cụm đồng hồ tổng phân vùng tách mạng trên hệ thống đường ống cấp nước bổ sung 06 cái, nâng tổng số đồng hồ tổng trên HTCN của Công ty là 79 cái; Lắp đặt các đồng hồ điện từ kiểm soát lưu lượng/áp lực từ xa bổ sung 01 điểm, nâng tổng số các điểm theo dõi áp lực/lưu lượng trên HTCN của Công ty là 25 điểm.

1.2.Đã thực hiện lắp đặt đồng hồ nước mới nhà dân, cơ quan được khoảng 2800 khách hàng; dịch chuyên đồng hồ nằm ở vị trí khó đọc được khoảng 2.800 cái; kiểm định đồng hồ nước sạch được khoảng 21.000 cái; thay thế các đồng hồ sai hỏng được khoảng 1.200 cái.

1.3.Đầu tư Nâng công suất Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ, gồm các Hạng mục Khu xử lý; bổ sung tuyến ống nước sạch cấp cho nhân dân thị trấn Chờ và các cụm, khu công nghiệp, các vùng lân cận (khi có nhu cầu).

2. Các công trình đang thực hiện

2.1.ĐT XD Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyến ống truyền tải.

2.2.Đầu tư Nâng công suất Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ, gồm các Hạng mục Trạm bơm nước thô và hồ sơ lắng; bổ sung tuyến ống nước sạch cấp cho nhân dân thị trấn Chờ và các cụm, khu công nghiệp, các vùng lân cận (khi có nhu cầu).

2.3.Đầu tư Nhà quản lý, điều hành cấp nước và trạm bơm tăng áp tại khu đất thuộc phường Hòa Long, thành phố Bắc Ninh.

2.4.Đầu tư xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước và lắp đặt đồng hồ nước mới cho các hộ dân thuộc 03 phường Bằng An, Quế Tân, Phù Lương thuộc TX Quế Võ khi được chấp thuận.

2.5.Đầu tư mở rộng Hồ sơ lắng- nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh, diện tích đất sử dụng khoảng 6,5ha thuộc thôn Đức Tái, xã Chi Lăng, thị xã Quế Võ khi được chấp thuận.

III. Các công tác khác

- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên ngày 19/04/2024.
- Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho CB CNV.
- Nộp ngân sách và các loại thuế phí đúng quy định. Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ cho CBCNV.
- Công tác cấp nước an toàn: Ban cấp nước an toàn Công ty đã xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn. Định kỳ kiểm tra các nhà máy cấp nước. Các nhà máy cấp nước đảm bảo Kế hoạch cấp nước an toàn đề ra.
- Trong sản xuất kinh doanh Công ty lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc pháp luật Nhà nước, đặc biệt là Luật lao động và Quy chế dân chủ trong Công ty do vậy không để xảy ra hoạt động vi phạm pháp luật Nhà nước. Thực hiện đầy đủ, đúng chính sách BHXH, BHYT đối với người lao động và áp dụng nhiều biện pháp nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động trong Công ty, tuân thủ các điều khoản theo thoả ước lao động đã ký giữa ban Tổng Giám đốc và Công đoàn Công ty.

IV. Những tồn tại, nguyên nhân:

1. Những tồn tại

1.1. Một số dự án chưa đạt tiến độ theo kế hoạch đề ra:

- Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyến ống truyền tải;

- Đầu tư xây dựng trạm bơm nước thô và hồ sơ lắp phục vụ nhà máy cấp nước thị trấn Chờ, huyện Yên Phong.

2. Nguyên nhân

- Vướng mắc về thủ tục giao đất, cho thuê đất, điều chỉnh quy hoạch.

- Do thay đổi chế độ chính sách (Luật đấu thầu) nên cơ quan Nhà nước chậm có phương án lựa chọn nhà đầu tư các dự án cấp nước.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

1. Đảm bảo duy trì cấp nước 24/24, luôn đạt 3 chỉ tiêu: Chất lượng, lưu lượng và áp lực. Các chỉ tiêu chất lượng nước sạch được kiểm soát chặt chẽ, luôn đạt Quy chuẩn QCVN01: 2018/BYT của Bộ Y tế, Quy chuẩn địa phương QCĐP 01:2021/BN và các tiêu chuẩn quy định của Nhà nước. Quản lý hệ thống chất lượng theo ISO/IEC 17025:2017.

2. Công ty ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt chất lượng tốt, giảm dần nguồn nước ngầm cho các hệ thống cấp nước; Khi Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) hoàn thành đưa vào sử dụng, nguồn nước ngầm làm nguồn dự phòng trong trường hợp sự cố, nhà máy nước ngầm Bắc Ninh chuyển sang sử dụng nguồn nước mặt.

3. Xây dựng hệ thống cấp nước của Công ty theo hướng thông minh, hiện đại, phân vùng tách mạng theo dõi và kiểm soát thất thoát nước tự động, online, tỷ lệ thất thoát nước chung toàn công ty năm 2025 là **14,3%**.

4. Chú trọng công tác bảo dưỡng, sửa chữa, các máy móc thiết bị, tuyến ống, cụm đồng hồ luôn kịp thời và đảm bảo kỹ thuật, rút ngắn thời gian xử lý các sự cố ống và sự cố cụm đồng hồ khách hàng sử dụng nước.

5. Chú trọng công tác đảm bảo cấp nước an toàn, an ninh nguồn nước, đảm bảo an toàn cho hệ thống cấp nước, mua sắm các loại vật tư, thiết bị, hoá chất dự phòng, phương tiện giao thông chuẩn bị sẵn sàng cho các tình huống sự cố.

6. Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng; chủ động tự thiết kế, viết phần mềm công nghệ thông tin quản lý cấp nước, đọc đồng hồ, quản lý

mạng lưới đường ống, chống thất thoát, chống thất thu hệ thống cấp nước... Từng bước đưa công nghệ quản lý hệ thống cấp nước theo hướng thông minh, hiện đại.

7. Tiếp tục sục rửa mạng đường ống cấp nước bằng phương pháp cầu nút, loại bỏ cặn bám trên thành đường ống sau thời gian sử dụng; Kiểm định các loại đồng hồ đo nước đến hạn theo quy định.

8. Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn khách hàng thanh toán tiền nước bằng chuyển khoản không dùng tiền mặt.

9. Duy trì việc làm, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động cũng như lợi ích của các cổ đông.

10. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2025: xem Bảng “Phụ lục I. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025” đính kèm.

II. Kế hoạch đầu tư phát triển:

1. Công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước phát triển khách hàng

1.1. Tiếp tục đầu tư mở rộng và cải tạo nâng cấp, dịch chuyển các tuyến ống khi các cơ quan yêu cầu, thay thế các tuyến ống cũ không đảm bảo an toàn cấp nước (thường xuyên bục vỡ, sâu khó quản lý, trong đất nhà dân...); lắp đặt hệ thống van giảm áp; lắp đặt các cụm đồng hồ tổng phân vùng tách mạng, các đồng hồ điện tử kiểm soát lưu lượng áp lực từ xa, thay thế các đồng hồ nước sai hỏng; xây dựng các hố ra vào cầu nút để phục vụ công tác sục rửa đường ống; mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác sục rửa đường ống, nghe rò rỉ, chống thất thoát, đầu tư lắp đặt hệ thống tự động hóa châm hóa chất tại các Nhà máy cấp nước, hệ thống tự động điều khiển trạm bơm nước thô, nước sạch; lắp đặt bổ sung thêm các máy bơm cấp nước, bơm hóa chất phục vụ đảm bảo chất lượng nước theo nhu cầu của khách hàng; cải tạo chỉnh trang trụ sở làm việc và các công trình công nghệ xử lý nước...

1.2. Đầu tư lắp đặt đồng hồ nước mới nhà dân, cơ quan khoảng: 5.000 khách hàng;

1.3. Dịch chuyển hoặc nâng hạ đồng hồ nằm ở vị trí khó đọc **tối thiểu khoảng 4.000 cái**

1.4. Thay thế các đồng hồ cũ/sai hỏng khoảng 3.000 cái.

1.5. Kiểm định đồng hồ khoảng 16.500 cái.

1.6. Bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa các trụ nước chữa cháy trên MLCN công ty quản lý;

1.7. Đầu tư máy ép bùn và sân phơi bùn cho các nhà máy cấp nước;

1.8. Đầu tư xây dựng và lắp đặt thiết bị quan trắc chất lượng nước mặt tại NMN mặt Bắc Ninh;

1.9. Đầu tư lắp đặt bổ sung bơm và máy phát điện cho Trạm bơm tăng áp Đại Phúc;

1.10. Lắp mới tuyến ống cấp nước D160 tăng cường áp lực khu Đa Cầu;

1.11. Ốp gạch và xây dựng mái che khu xử lý GD2 – Nhà máy nước mặt Bắc Ninh;

1.12. Đầu tư xây dựng tuyến ống truyền tải cấp nước vào khu vực Hòa Long (đầu nối từ ống D630 nút giao đường Kinh Dương Vương và đường Ngô Gia Tự, đường kính ống được tính toán phù hợp với nhu cầu dùng nước của khu vực);

1.13. Kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị, hoá chất phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025.

2. Các dự án đầu tư đang thực hiện

2.1. Tiếp tục ĐTXD Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyến ống truyền tải theo Quyết định chủ trương đầu tư 197/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 và các quyết định điều chỉnh của các cấp có thẩm quyền;

2.2. Tiếp tục đầu tư Trạm bơm nước thô và bổ sung hồ sơ lắp Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ theo Quyết định chủ trương đầu tư 384/QĐ-UBND ngày 19/07/2019 và các quyết định điều chỉnh của các cấp có thẩm quyền;

2.3. Tiếp tục Đầu tư Nhà quản lý, điều hành cấp nước và trạm bơm tăng áp tại khu đất thuộc phường Hòa Long, thành phố Bắc Ninh theo Quyết định chủ trương đầu tư 683/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư 281/QĐ-UBND ngày 30/05/2024 và các quyết định điều chỉnh của các cấp có thẩm quyền;

3. Các dự án đầu tư mới

3.1. Đầu tư xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước và lắp đặt đồng hồ nước mới cho các hộ dân thuộc 03 phường Bằng An, Quế Tân, Phù Lương, TX Quế Võ; thực hiện theo các nội dung quyết định chấp thuận đầu tư của các cấp có thẩm quyền;

3.2. Đầu tư mở rộng Hồ sơ lắp- nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh, diện tích đất sử dụng khoảng 6,5ha thuộc thôn Đức Tái, xã Chi Lăng, thị xã Quế Võ; nếu được chấp thuận, thực hiện theo các nội dung quyết định chấp thuận đầu tư của các cấp có thẩm quyền;

3.3. Đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước Yên Phong 2 thuộc xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; nếu được chấp thuận, thực hiện theo các nội dung quyết định chấp thuận đầu tư của các cấp có thẩm quyền;

3.4. Tổ chức tiếp nhận, đưa vào quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh tài sản là Dự án “Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) (công suất 25.000m³/ngày đêm)” nếu được Chủ sở hữu giao hoặc tham gia đấu giá/đấu thầu/nhận chuyển nhượng/thuê quyền khai thác Dự án/Tài sản này theo hình thức/quyết định của các cấp có thẩm quyền.

III. Các nội dung khác:

- Ký kết hợp đồng vay vốn hạng mục Hồ Sơ lắng dự án ĐTXD NMN mặt cs 45.000 m³/ngđ và tuyển ông truyền tải với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh BN và hợp đồng thế chấp tài sản dự án ĐTXD NMN mặt cs 45.000 m³/ngđ và tuyển ông truyền tải với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh BN và Ngân hàng BIDV chi nhánh Kinh Bắc;

- Ký kết hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai dự án ĐTXD Nhà quản lý điều hành và trạm bơm tăng áp với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh **hoặc các tổ chức tín dụng khác**;

- Trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi;

- Mua 01 xe ô tô điện VinFast VF8 phục vụ công tác SXKD;

- Mua sắm quần áo, trang thiết bị bảo hộ lao động, đồng phục, quà tết cho người lao động;

- Tổ chức các cuộc thăm quan, học tập kinh nghiệm các Công ty ngành nước trong và ngoài nước.

IV. Các giải pháp thực hiện:

- Cân đối thu chi, quản lý tốt nguồn vốn đầu tư đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tranh thủ huy động các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Chủ động đầu tư, đổi mới khoa học công nghệ vào quản lý.

- Xây dựng các chương trình cấp nước an toàn, phân vùng tách mạng để chống thất thoát, thất thu nước sạch, duy trì cấp nước ổn định 24/24 giờ, tỷ lệ thất thoát nước toàn mạng lưới năm 2025 là **14,3%**.

- Tăng cường công tác sục rửa MLCN tại các đơn vị toàn công ty, sục rửa quay vòng các tuyến ống cấp nước phân phối trên mạng lưới cấp nước thành phố Bắc Ninh.

- Vận động khách hàng sử dụng nước sạch, tổ chức hội nghị thu thập ý kiến của khách hàng để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng

- Phát huy nguồn nội lực để mở rộng qui mô và nâng cao chất lượng sản xuất, quan tâm đào tạo và đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ, tay nghề cho cán bộ và người lao động trong Công ty đáp ứng yêu cầu thực tế công việc.

- Áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Khen thưởng kịp thời cho các cá nhân tổ chức có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động.

- Thăm quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm với các Công ty cấp nước phát triển để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, cải tiến áp dụng các mô hình quản lý, sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng./.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc và phó Tổng giám đốc;
- Các Phòng ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Xuân Tâm

Phụ lục 1. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ Thực hiện năm 2024 so với 2023	Tỷ lệ Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ kế hoạch 2025 so với thực hiện 2024
1	2	3	4	5	6	(7)=(6)/(4)	(8)=(6)/(5)	9	(10)=(9)/(6)
A	SẢN XUẤT NƯỚC:								
I	Sản lượng nước thô	m³	30.039.416	31.867.277	31.532.842	104,97%	98,95%	33.795.748	107,2%
1	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	m ³	2.696.280	1.166.400	1.379.050	51,15%	118,23%	744.600	54,0%
2	Nhà máy nước mặt thành phố BN	m ³	22.398.643	25.660.687	25.202.720	112,52%	98,22%	27.816.125	110,4%
3	NMN Thừa	m ³	1.465.503	1.523.393	1.540.473	105,12%	101,12%	1.542.000	100,1%
4	NMN Gia Bình	m ³	1.587.267	1.528.372	1.380.350	86,96%	90,32%	1.499.389	108,6%
5	NMN TT Chờ	m ³	1.891.723	1.988.425	2.030.249	107,32%	102,10%	2.193.634	108,0%
II	Sản lượng nước sạch	m³	32.065.613	33.933.275	33.343.313	103,98%	98,26%	35.760.655	107,2%
1	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	m ³	2.652.134	1.154.736	1.366.208	51,51%	118,31%	737.154	54,0%
2	Mua nước sạch Cty Sông Cầu	m ³	3.445.073	3.650.000	3.057.310	88,74%	83,76%	3.285.000	107,4%
3	Nhà máy nước mặt thành phố BN	m ³	21.449.032	24.505.956	24.296.488	113,28%	99,15%	26.981.641	111,1%
3.1	Cấp nước sạch lên tp BN	m ³	15.158.926	17.184.252	17.235.066	113,70%	100,30%	18.968.546	110,1%
3.2	Cấp nước sạch cho xí nghiệp Quế võ	m ³	6.948.941	7.321.704	7.061.422	101,62%	96,45%	8.013.095	113,5%
4	NMN Thừa	m ³	1.240.545	1.246.457	1.186.287	95,63%	95,17%	1.192.178	100,5%
5	NMN Gia Bình	m ³	1.445.474	1.467.237	1.427.970	98,79%	97,32%	1.445.101	101,2%
6	NMN TT Chờ	m ³	1.809.631	1.908.888	2.007.302	110,92%	105,16%	2.119.581	105,6%
6.1	Cấp thị trấn Chờ	m ³	873.178	893.619	945.630	108,30%	105,82%	1.004.543	106,2%
6.2	Cấp 3 phường thuộc TX Từ Sơn	m ³	936.453	1.015.269	1.061.672	113,37%	104,57%	1.115.038	105,0%
7	Mua nước sạch từ NMN Long Châu Trung Nghĩa	m ³			1.551			-	0,0%
8	Mua nước sạch Công ty An Việt cấp 3 phường Từ Sơn	m ³	23.724	-	197	0,83%		-	0,0%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ Thực hiện năm 2024 so với 2023	Tỷ lệ Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ kế hoạch 2025 so với thực hiện 2024
1	2	3	4	5	6	(7)=(6)/(4)	(8)=(6)/(5)	9	(10)=(9)/(6)
9	Tổng nước sạch cấp 3 phường Từ Sơn	m ³	960.177	1.015.269	1.063.420	110,75%	104,74%	1.115.038	104,9%
III	Sản lượng nước tiêu thụ	m³	27.477.394	28.986.323	29.751.198	108,28%	102,64%	31.774.515	106,8%
1	Khu vực TP Bắc Ninh	m ³	17.596.141	18.470.750	19.003.255	108,00%	102,88%	20.047.890	105,5%
2	XNCN Quế Võ	m ³	6.165.065	6.634.028	6.844.701	111,02%	103,18%	7.612.440	111,2%
3	NMN Thửa	m ³	988.374	1.022.095	997.018	100,87%	97,55%	1.014.543	101,8%
3.1	NMN thửa bán nước thô	m ³	212.704	225.000	307.395	144,52%	136,62%	312.000	101,5%
4	NMN Gia Bình	m ³	1.185.436	1.217.807	1.211.207	102,17%	99,46%	1.232.671	101,8%
5	NMN TT Chờ	m ³	739.018	768.512	811.355	109,79%	105,57%	863.907	106,5%
6	3 phường thuộc TX Từ Sơn	m ³	803.360	873.131	883.662	110,00%	101,21%	1.003.063	113,5%
IV	Số lượng khách hàng	hộ	98.640	98.324	97.622	98,97%	99,29%	83.704	85,7%
1	Khu vực thành phố Bắc Ninh	hộ	58.195	59.993	59.794	102,75%	99,67%	60.273	100,8%
2	XNCN Quế Võ	hộ	15.351	12.426	11.835	77,10%	95,24%	3.407	28,8%
3	NMN Thửa	hộ	6.366	6.462	6.497	102,06%	100,54%	6.615	101,8%
4	NMN Gia Bình	hộ	7.862	8.042	8.020	102,01%	99,73%	8.164	101,8%
5	NMN TT Chờ	hộ	4.863	5.211	5.061	104,07%	97,12%	5.244	103,6%
6	3 phường thuộc TX Từ Sơn	hộ	6.003	6.190	6.415	106,86%	103,63%	1	0,0%
V	Tỷ lệ thất thoát mạng đường ống								
1	Thành phố Bắc Ninh	%	17,2%	16,00%	12,26%	-4,96%	-3,74%	12,8%	0,54%
2	XNCN Quế Võ (tính tổng bán buôn)	%	11,3%	9,4%	3,07%	-8,21%	-6,33%	5,0%	1,93%
2.1	XNCN Quế Võ (tách phần bán buôn)	%	17,1%	16,0%	5,3%	-11,81%	-10,72%	14,4%	9,12%
3	NMN Thửa	%	20,3%	18,0%	15,95%	-4,37%	-2,05%	14,9%	-1,05%
4	NMN Gia Bình	%	18,0%	17,0%	15,18%	-2,81%	-1,82%	14,7%	-0,48%
5	NMN TT Chờ (tính tổng bán Từ Sơn)	%	7,4%	6,55%	6,69%	-0,72%	0,14%	6,6%	-0,05%
5.1	NMN TT Chờ (tách bán Từ Sơn)	%	15,4%	14,0%	14,20%	-1,17%	0,20%	14,0%	-0,20%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ Thực hiện năm 2024 so với 2023	Tỷ lệ Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ kế hoạch 2025 so với thực hiện 2024
1	2	3	4	5	6	(7)=(6)/(4)	(8)=(6)/(5)	9	(10)=(9)/(6)
	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	(gam/m3)	43,02	50,00	50,860	1,18	0,86	50,000	(0,860)
	Nhà máy nước mặt	(gam/m3)	20,18	18,00	18,890	0,94	0,89	20,000	1,110
	NMN Thừa	(gam/m3)	13,60	15,60	15,700	1,15	0,10	16,000	0,300
	NMN Gia Bình	(gam/m3)	16,000	16,000	15,000	0,94	(1,00)	16,000	1,000
	NMN TT Chờ	(gam/m3)	24,60	25,00	23,300	0,95	(1,70)	24,000	0,700
4	Lượng vôi tiêu thụ								
	<i>Tổng lượng vôi tiêu thụ của Cty</i>								
	Nhà máy nước Bắc Ninh	gam/m3	77,24	80,00	79,890	1,03	(0,11)	80,000	0,110
B	CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP:								
I	Tổng doanh thu	Triệu đ	258.797	274.905	290.867	112,39%	105,81%	285.253	98,1%
1	Doanh thu nước sạch	Triệu đ	242.872	266.518	274.593	113,1%	103,0%	273.506	99,6%
1.1	Khu vực thành phố Bắc Ninh	Triệu đ	159.089	175.453	179.743	113,0%	102,4%	189.530	105,4%
1.2	XNCN Quế Võ	Triệu đ	49.370	52.999	56.773	115,0%	107,1%	45.676	80,5%
1.3	NMN Thừa	Triệu đ	9.655	10.431	10.379	107,5%	99,5%	10.565	101,8%
1.4	NMN Gia Bình	Triệu đ	10.734	11.642	11.546	107,6%	99,2%	11.871	102,8%
1.5	NMN TT Chờ	Triệu đ	6.806	7.507	7.736	113,7%	103,1%	8.128	105,1%
1.6	3 phường thuộc TX Từ Sơn	Triệu đ	7.218	8.486	8.416	116,6%	99,2%	7.736	92%
2	Cho thuê Tài sản (NM Lim)	Triệu đ	787	787	787	100%	100%	787	100%
3	Doanh thu Xây lắp	Triệu đ	4.573	600	3.684	81%	614%	1.700	46%
4	Doanh thu tài chính	Triệu đ	3.378	100	2.813	83%	2813%	750	27%
5	Doanh thu khác	Triệu đ	6.306	6.000	7.920	126%	132%	7.407	94%
6	Thu nhập khác	Triệu đ	881	900	1.070	121%	119%	1.103	103%
II	Tổng chi phí	Triệu đ	218.184	240.907	230.109	105,5%	95,5%	252.400	110%
III	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đ	40.613	33.998	61.197	150,7%	180,0%	32.853	54%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ Thực hiện năm 2024 so với 2023	Tỷ lệ Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ kế hoạch 2025 so với thực hiện 2024
1	2	3	4	5	6	(7)=(6)/(4)	(8)=(6)/(5)	9	(10)=(9)/(6)
IV	Tổng số lao động (Kế hoạch năm 2025 tuyển dụng thêm 06 người, giảm 02 người do nghỉ hưu)	người	296	305	301	101,7%	98,7%	305	101%
V	Thu nhập bình quân (Kế hoạch tổng quỹ lương năm 2025 dự kiến: 1.796đ/m3 x 31,774.515m3 (sản lượng nước tiêu thụ) = 57.067 triệu đồng)	Triệu đ/ng/th	14,60	14,66	14,8	101,4%	101,0%	15,3	103%
VI	Nộp ngân sách (VAT+TNDN,TN,TCN,MB, Phí thoát nước)	Triệu đ	17.861	25.000	20.451	114,5%	81,8%	30.000	147%
VII	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đ	35.475	28.218	51.279	144,5%	181,7%	27.597	54%
VIII	Tỷ lệ lãi cơ bản trên cổ phiếu	%	9,37	7,40	13,58	144,9%	183,5%	7,27	54%

Ghi chú:

- Năm 2024 trả lại (3606 khách hàng) thuộc 4 xã Chi Lăng, Hán Quảng, Quế Tân, Phù Lương cho Công ty cổ phần xây lắp và công nghệ Châu Âu
- Công ty ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt chất lượng tốt, giảm dần nguồn nước ngầm cho các hệ thống cấp nước; Khi Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m3/ngđ) hoàn thành đưa vào sử dụng, nguồn nước ngầm làm nguồn dự phòng trong trường hợp sự cố, Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh chuyển sang sử dụng nguồn nước mặt.
- Hiện nay Nhà máy nước mặt Bắc Ninh đang chạy vượt công suất theo giấy phép khai thác nước (công suất theo giấy phép khai thác nước hiện nay là 49.500 m3/ngđ), công ty đang làm hồ sơ xin cấp phép khai thác 100.000 m3/ngđ. Trong thời gian chờ được cấp Giấy phép khai thác nước mới, Nhà máy nước mặt Bắc Ninh sẽ chạy vượt khoảng 53,5% so với giấy phép khai thác nước hiện có cho đến khi được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác 100.000 m3/ngđ.
- Một số ngày nắng nóng, lễ, Tết...(nhu cầu dùng nước của khách hàng tăng đột biến) Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ không đủ công suất cấp nước, lượng nước cấp bổ sung sẽ mua của Nhà máy cấp nước lân cận.
- Từ ngày 01/01/2025 Công ty đã bàn giao trả lại 4 Phường ở thị xã Quế Võ: Phương Liễu - Phương Mao - Việt Hùng - Bồng Lai. Dự kiến từ ngày 01/08/2025 sẽ bàn giao trả lại 3 Phường tại Thành Phố Từ Sơn: Đồng Kỵ - Đồng Nguyên - Tân Hồng cho Công ty CP tập đoàn Long Phương.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)

M.S.A.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-43

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh về phê duyệt cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch	
Ông Lưu Xuân Tâm	Phó Chủ tịch	
Bà Vũ Thị Chuyên	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Tôn	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 01/05/2024
Ông Ngô Minh Châu	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 01/05/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lưu Xuân Tâm	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Khánh Tịnh	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 09/07/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Hương	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hồng Thiện	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 01/05/2024
Bà Nguyễn Thị Mai Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn An	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 01/05/2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Lưu Xuân Tâm – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lưu Xuân Tâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Số: 060325.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh được lập ngày 06 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2024-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		158.940.740.516	124.250.533.836
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	30.986.613.786	57.939.296.070
111	1. Tiền		4.454.854.882	8.432.885.111
112	2. Các khoản tương đương tiền		26.531.758.904	49.506.410.959
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	76.304.501.392	18.150.800.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		76.304.501.392	18.150.800.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.551.163.932	23.620.438.386
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	17.064.730.971	20.808.031.372
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.047.557.114	566.413.932
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.679.290.864	2.245.993.082
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.240.415.017)	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	18.262.524.880	18.539.104.092
141	1. Hàng tồn kho		18.262.524.880	18.539.104.092
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.835.936.526	6.000.895.288
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	122.479.842	115.892.549
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		12.713.456.684	5.729.197.634
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	155.805.105
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		748.012.856.201	622.395.803.789
220	I. Tài sản cố định		512.154.986.509	551.866.932.022
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	509.917.058.345	549.082.715.294
222	- Nguyên giá		943.281.624.514	935.392.430.632
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(433.364.566.169)	(386.309.715.338)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.237.928.164	2.784.216.728
228	- Nguyên giá		7.828.798.850	7.828.798.850
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.590.870.686)	(5.044.582.122)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		200.346.381.604	44.716.435.385
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	200.346.381.604	44.716.435.385
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	14.270.362.558	14.270.362.558
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.270.362.558	14.270.362.558
260	IV. Tài sản dài hạn khác		21.241.125.530	11.542.073.824
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	21.241.125.530	11.542.073.824
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		906.953.596.717	746.646.337.625

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		479.918.472.984	335.964.991.840
310	I. Nợ ngắn hạn		141.625.355.235	96.390.192.011
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	39.976.940.936	10.457.035.119
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		254.279.931	307.042.790
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	47.556.889.340	24.132.129.027
314	4. Phải trả người lao động		12.623.084.318	12.392.844.420
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.821.612.707	2.401.650.073
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	12.580.554.791	17.638.668.225
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	25.502.793.849	27.699.461.227
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.309.199.363	1.361.361.130
330	II. Nợ dài hạn		338.293.117.749	239.574.799.829
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	91.583.091.321	92.308.994.268
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	246.710.026.428	147.265.805.561
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		427.035.123.733	410.681.345.785
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	427.035.123.733	410.681.345.785
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		375.493.910.000	375.493.910.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.493.910.000	375.493.910.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		550.000.000	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		50.991.213.733	35.187.435.785
421b	LNST chưa phân phối năm nay		50.991.213.733	35.187.435.785
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		906.953.596.717	746.646.337.625


Nguyễn Thị Thu Dung
Người lậpNguyễn Thị Phương
Kế toán trưởngLưu Xuân Tâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	286.984.251.029	254.538.238.109
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		286.984.251.029	254.538.238.109
11	4. Giá vốn hàng bán	22	197.763.974.584	187.738.217.931
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.220.276.445	66.800.020.178
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.813.003.054	3.377.693.729
22	7. Chi phí tài chính	24	11.770.819.626	13.309.598.568
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		11.770.819.626	13.309.598.568
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20.128.936.033	17.123.375.767
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		60.133.523.840	39.744.739.572
31	11. Thu nhập khác	26	1.070.204.392	881.158.305
32	12. Chi phí khác		6.194.002	12.894.884
40	13. Lợi nhuận khác		1.064.010.390	868.263.421
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		61.197.534.230	40.613.002.993
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	9.918.320.497	5.137.567.208
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		51.279.213.733	35.475.435.785
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.358	937

Nguyễn Thị Thu Dung
Người lập

Nguyễn Thị Phương
Kế toán trưởng



Lưu Xuân Tâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		61.197.534.230	40.613.002.993
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		47.601.139.395	47.610.201.933
03	- Các khoản dự phòng		1.240.415.017	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.813.003.054)	(3.377.693.729)
06	- Chi phí lãi vay		11.770.819.626	13.309.598.568
07	- Các khoản điều chỉnh khác		526.775.905	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		119.523.681.119	98.155.109.765
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.883.985.924)	4.396.210.340
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		276.579.212	(543.722.455)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.340.524.124	8.247.325.599
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(9.705.638.999)	(1.366.891.422)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.551.163.374)	(12.504.442.729)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.376.539.034)	(2.917.571.750)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		24.300.000	25.340.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(878.680.000)	(394.570.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		98.769.077.124	93.096.787.348
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(132.907.207.529)	(49.683.934.939)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(65.153.701.392)	(18.150.800.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	6.500.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.327.396.902
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.613.500.911
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.214.813.576	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(188.846.095.345)	(53.393.837.126)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		124.947.014.715	16.234.555.200
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(27.699.461.226)	(16.364.861.424)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(34.123.217.552)	(18.260.838.814)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		63.124.335.937	(18.391.145.038)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(26.952.682.284)	21.311.805.184
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		57.939.296.070	36.627.490.886
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>30.986.613.786</u>	<u>57.939.296.070</u>

Nguyễn Thị Thu Dung
Người lập

Nguyễn Thị Phương
Kế toán trưởng



Lưu Xuân Tâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *Năm 2024*

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh về phê duyệt cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.493.910.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 375.493.910.000 VND; tương đương 37.549.391 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 301 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 297 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình chuyên ngành cấp nước;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, xử lý chất thải, các công trình điện, đường dây trạm biến thế 35KV;
- Sản xuất và kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư ngành nước;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Thiết kế hệ thống cấp thoát nước khu đô thị và nông thôn, xử lý nước thải và nước sinh hoạt;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp, môi trường nước;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất đối với công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng, khảo sát xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (chi tiết: Kiểm nghiệm chất lượng nước; kiểm định, hiệu chuẩn, đo thử nghiệm đồng hồ nước).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, giá bán nước tăng mạnh do từ tháng 5/2023 Công ty được phê duyệt đơn giá tiền nước mới theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 09/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh và sản lượng bán hàng tăng khiến doanh thu và lợi nhuận gộp tăng mạnh so với năm trước. Cụ thể doanh thu kỳ này tăng 32,45 tỷ VND tương ứng tăng 12,75%, lợi nhuận gộp tăng 22,42 tỷ VND tương ứng 33,56% so với năm trước.

Thông tin về công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 25 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

a) Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định là các chi phí sửa chữa thường xuyên hệ thống các tuyến cấp nước phát sinh một lần có giá trị lớn, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.
- Tiền đền bù giải phóng mặt bằng đã trả liên quan đến các điểm thuê đất trả tiền hàng năm mà Công ty đang sử dụng, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng là số tiền Công ty trả trước cho cơ sở hạ tầng Công ty đang quản lý và vận hành kinh doanh, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 12 tháng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, tiền điện sản xuất ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí lãi vay được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 (mười lăm) năm; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 (bốn) năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2020 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự án đầu tư nhà máy nước mặt công suất 30.000 m³/ngày đêm theo Quyết định chủ trương đầu tư số 668/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Năm 2024 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp tính theo thuế suất ưu đãi 10% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nêu trên.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự án đầu tư nhà máy nước mặt công suất 30.000 m³/ngày đêm thuộc Quyết định chủ trương đầu tư số 668/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.
- Thuế suất 20% đối với thu nhập từ các hoạt động còn lại.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, lĩnh vực xây lắp, lắp đặt các công trình phục vụ cho hoạt động cấp nước và cho thuê tài sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Trong đó, doanh thu trong lĩnh vực cấp nước chiếm trên 95% tổng doanh thu hoạt động của Công ty. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	182.733.419	222.255.114
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.272.121.463	8.210.629.997
Các khoản tương đương tiền	26.531.758.904	49.506.410.959
	30.986.613.786	57.939.296.070

Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại thời điểm 31/12/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 76.304.501.392 VND gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,25%/năm

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Toàn bộ khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liệt kê tại thời điểm đầu và cuối năm tài chính là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh. Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh có trụ sở chính tại thị xã Quế Võ, hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước; khai thác, xử lý và cung cấp nước, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại đây lần lượt là 60% và 40%.

Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh là Công ty TNHH Hai thành viên, là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được thành lập trên cơ sở Hợp đồng liên danh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương ký ngày 05/11/2022, mục đích đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành và kinh doanh Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngày đêm) và tuyến ống truyền tải" (gọi tắt là "Dự án").

Trong quá trình triển khai, có vướng mắc về đối tượng giao đất, cho thuê đất. Ngày 21/07/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh có văn bản số 1425/KHĐT-KTĐN về việc tham gia ý kiến việc thuê đất để thực hiện Dự án. Theo đó, việc giao đất, cho thuê đất sẽ dưới danh nghĩa là nhà đầu tư là liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương và Công ty Nước sạch Bắc Ninh mà không phải là doanh nghiệp dự án là Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương có biên bản thống nhất số 635/BBTN/LPG-BANIWACO về phương thức thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh công suất 45.000m³/ngày đêm và tuyến ống truyền tải, theo đó:

- Hai bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý: con dấu, mã số thuế, người đại diện của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh để thực hiện đầu tư xây dựng dự án.

- Các nội dung đã và đang thực hiện trước ngày ký biên bản thống nhất này thì không phải thực hiện lại, nhưng phải thực hiện các thủ tục chuyển giao lại cho Liên danh.

Liên danh Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương cùng Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh đã có các văn bản thỏa thuận về việc kế thừa quyền, nghĩa vụ và thanh toán các khoản chi phí mà Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh đã chi cho Dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Trong năm 2023, Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh đã chuyển giao được một phần chi phí cho liên danh bằng hình thức xuất hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền đã chuyển giao là 3.801.286.503 VND (giá trị đã bao gồm thuế GTGT 8%). Giá trị còn lại là tiền giải phóng mặt bằng tương ứng số tiền khoảng 23.733.659.700 VND, Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh đang hoàn thiện thủ tục để chuyển giao, dự kiến sẽ hoàn thành chuyển giao toàn bộ trong năm 2025.

Ngoài các hoạt động để chuyển giao chi phí đầu tư nêu trên, Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh không phát sinh các hoạt động đầu tư, kinh doanh nào khác trong năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>				
Phải thu khách hàng sử dụng nước khu vực Bắc Ninh	15.374.129.943	-	19.755.276.686	-
Phải thu khách hàng dịch vụ xây lắp	1.690.601.028	(77.937.492)	836.324.492	-
Phải thu khách hàng thuê tài sản	-	-	216.430.194	-
	17.064.730.971	(77.937.492)	20.808.031.372	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Kiến trúc	425.763.906	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng nền móng Thăng	554.352.000	-	-	-
Ban quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh	412.575.100	-	-	-
Đối tượng khác	654.866.108	(21.811.608)	566.413.932	-
	2.047.557.114	(21.811.608)	566.413.932	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	938.499.947	-	340.310.469	-
Tạm ứng	600.125.000	-	699.500.000	-
Khoản tiền đền bù, giải phóng mặt bằng thừa (i)	406.340.432	(406.340.432)	406.340.432	-
Phải thu khác	734.325.485	(734.325.485)	799.842.181	-
	2.679.290.864	(1.140.665.917)	2.245.993.082	-

(i) Đây là tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho phần đất được đền bù thừa của công trình nhà máy nước Chờ - Gia Bình. Ngày 17 tháng 12 năm 2018, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 4859/UBND-XDCB cho phép Công ty sử dụng phần đất đền bù thừa này để xây dựng mở rộng trạm bơm nước diện tích 500 m².

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng	77.937.492	-	-	-
- UBND xã Trí Quả - Thuận Thành	47.575.492	-	-	-
- Đối tượng khác	30.362.000	-	-	-
Phải thu khác	1.140.665.917	-	-	-
- Phải thu Ban QLDA Chờ Gia Bình	406.340.432	-	-	-
- Phải thu dự án thoát nước và xử lý nước thải Bắc	285.934.800	-	-	-
- Ông Vũ Đức Độ	448.390.685	-	-	-
Trả trước cho người bán	21.811.608	-	-	-
- Tổng Công ty ĐT nước và môi trường Việt Nam	15.693.608	-	-	-
- Các khoản khác	6.118.000	-	-	-
	1.240.415.017	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.043.757.222	-	9.921.568.736	-
Công cụ, dụng cụ	14.823.113	-	14.823.113	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	8.203.944.545	-	8.602.712.243	-
	18.262.524.880	-	18.539.104.092	-

Chi tiết công trình xây lắp dở dang tại thời điểm 31/12/2024:**Công trình Xử lý sự cố cống lấy nước qua đê KM44+555 với các thông tin chi tiết như sau:**

- Địa điểm thực hiện: Huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;
- Mục đích thực hiện: Xử lý sự cố cống qua đê KM44+555 đê Tả Đuống thuộc địa phận huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh theo công văn số 533/UBND-NN ngày 02 tháng 03 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc chủ trương xử lý sự cố lấy nước qua đê tại KM44+555 đê tả Đuống, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh;
- Nguồn vốn thực hiện: Do Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh tự đảm nhiệm;
- Giá trị công trình đã hoàn thành là: 8.203.944.545 VND;
- Tình trạng của công trình tại 31/12/2024: Công trình đã hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Tuy nhiên, Công ty đã nhiều lần gửi công văn tới Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhưng chưa xác định được nghĩa vụ về chi phí xử lý sự cố. Theo Công văn số 16/TTr-NV4 ngày 29/09/2020 của Thanh tra Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh đến Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn kiến nghị xử lý: Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương chịu trách nhiệm chi trả các khoản chi phí hợp lý theo quy định để khắc phục sự cố rò rỉ nước tại cống lấy nước qua đê Tả Đuống K44+555 Quế Võ; ngân sách nhà nước thực hiện chi trả các khoản chi phí phát sinh gia cố, nâng cấp thêm.

Theo Quyết định số 3162/UBND-XDCB ngày 28/10/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh thì: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở: Tài chính, Xây dựng, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương để xác định cụ thể chi phí khắc phục sự cố qua đê Tả Đuống thuộc trách nhiệm chi trả của Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương và phân ngân sách nhà nước để hoàn ứng vốn cho Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các bên đang trong quá trình làm việc về vấn đề này.

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án Dự án ĐTXD Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000m ³ /ngđ) và tuyến ống truyền tải (i)	189.293.156.956	30.702.336.153
- Dự án Tuyến nước thô Chờ, hồ lắng (ii)	180.894.074	184.734.074
- Dự án Trụ sở làm việc Công ty (iii)	3.712.063.198	5.998.420.346
- Khu xử lý - Nâng công suất Chờ	-	4.107.795.179
- Dự án tuyến ống cấp khu CN Yên Phong II A (iv)	6.152.498.929	2.886.977.722
- Dự án khác	1.007.768.447	836.171.911
	200.346.381.604	44.716.435.385

Thông tin bổ sung cho các dự án:

(i) Dự án ĐTXD Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000m³/ngđ) và tuyến ống truyền tải:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương (chi tiết việc hợp tác kinh doanh xem thuyết minh số 17).
- Mục đích xây dựng: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngày đêm) và tuyến ống truyền tải nhằm cung cấp, bổ sung nguồn nước sạch sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân và khách hàng, cụm khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, huyện Quế Võ và một phần huyện Tiên Du và vùng lân cận.
- Tổng mức đầu tư: 624.258.493.358 VND;
- Địa điểm xây dựng: xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
- Nguồn vốn đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh góp 60% vốn và Công ty Cổ phần tập đoàn Long Phương góp 40 % vốn.
- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt với công suất 45.000 m³/ngày đêm và tuyến ống truyền tải.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2024: Đang thi công, dự kiến cuối năm 2025 hoàn thành.

(ii) Dự án Tuyến nước thô Chờ, hồ lắng:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh.
- Mục đích xây dựng: Nâng công suất trạm bơm nước thô và tuyến ống nước thô, nhà máy cấp nước thị trấn Chờ đảm bảo công suất tính đến giai đoạn năm 2022;
- Tổng mức đầu tư: 16.010.245.000 VND;
- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của Công ty.
- Quy mô của dự án: Xây dựng 1 trạm bơm nước thô; xây dựng nhà bơm 2 tầng, kích thước (10,7x5,9)m; xây dựng cửa thu ngoài sông 1 tầng, kích thước (7,2x2,5)m; xây dựng cống hộp dẫn nước kích thước thông thủy (1,2x2)m dẫn nước vào ngăn thu của trạm bơm, kết cấu cống hộp bằng bê tông cốt thép mac 300 và xây dựng đường đi từ chân đê đến trạm bơm, đường bê tông mac 200, dày 150mm.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2024: Đã hoàn thành tuyến nước thô và đang xin điều chỉnh chủ trương hạng mục hồ lắng.

(iii) Dự án Trụ sở làm việc Công ty:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh
- Mục đích xây dựng: Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và dịch vụ trên khu đất tại xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- Tổng mức đầu tư: 98.566.745.000 VND;
- Địa điểm xây dựng: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có và nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng.
- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng khu nhà làm việc, nhà đa năng, hạ tầng kỹ thuật và một số hạng mục phụ trợ khác đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy hoạch và theo giấy phép xây dựng được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2024: Dự kiến khởi công và hoàn thành trong năm 2025.

(iv) Tuyến ống nước sạch cấp nước cho Khu công nghiệp Yên Phong II-A

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh;
- Mục đích xây dựng: Cấp nước đủ lưu lượng, áp lực và chất lượng cho khu công nghiệp Yên Phong II-A, tuân thủ đúng theo Hợp đồng mua bán nước sạch đã ký; Góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh Bắc Ninh;
- Tổng mức đầu tư: 7.965.418.000 VND;
- Địa điểm xây dựng: huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;
- Nguồn vốn đầu tư: Bao gồm vốn tự có của Công ty, vốn vay thương mại và các nguồn huy động hợp pháp khác;
- Quy mô của dự án:
 - + Đầu tư bổ sung khoảng 2,796m ống HDPE D400 PN8 PE100 đầu nối từ tuyến ống hiện hữu HDPE D250 đã có tại đầu thôn Đoài, xã Tam Giang (nút giao với đường TL 277) cấp nước sạch đến Trạm bơm Khu công nghiệp Yên Phong II-A;
 - + Xây dựng đồng bộ các công trình trên tuyến ống (xà cựa, xà khí, hố ga,...);
 - + Ống nối qua mương sử dụng ống thép mạ kẽm.
- Tổng mức đầu tư: 7.969.418.000 VND;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2024: Đang thi công giai đoạn cuối, dự kiến quyết toán xong trong quý 1 năm 2025.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	38.000.000	7.790.798.850	7.828.798.850
Số dư cuối năm	38.000.000	7.790.798.850	7.828.798.850
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	38.000.000	5.006.582.122	5.044.582.122
- Khấu hao trong năm	-	546.288.564	546.288.564
Số dư cuối năm	38.000.000	5.552.870.686	5.590.870.686
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	2.784.216.728	2.784.216.728
Tại ngày cuối năm	-	2.237.928.164	2.237.928.164

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 38.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH
Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	97.232.856.777	36.905.560.622	603.172.809.751	5.433.926.765	192.647.276.717	935.392.430.632
- Mua trong năm	-	-	-	295.414.478	-	295.414.478
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	5.908.148.752	204.741.294	416.945.839	1.063.943.519	7.593.779.404
Số dư cuối năm	97.232.856.777	42.813.709.374	603.377.551.045	6.146.287.082	193.711.220.236	943.281.624.514
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	56.575.799.708	20.428.683.571	194.299.846.916	3.013.567.866	111.991.817.277	386.309.715.338
- Khấu hao trong năm	4.953.372.630	3.427.188.407	27.314.249.660	773.503.858	10.586.536.276	47.054.850.831
Số dư cuối năm	61.529.172.338	23.855.871.978	221.614.096.576	3.787.071.724	122.578.353.553	433.364.566.169
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	40.657.057.069	16.476.877.051	408.872.962.835	2.420.358.899	80.655.459.440	549.082.715.294
Tại ngày cuối năm	35.703.684.439	18.957.837.396	381.763.454.469	2.359.215.358	71.132.866.683	509.917.058.345

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 248.906.840.760 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.181.074.939 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.166.709	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	118.313.133	115.892.549
	122.479.842	115.892.549
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.897.114.090	685.632.317
Trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng (i)	8.888.120.000	4.075.000.000
Chi phí sửa chữa	2.777.536.828	1.151.470.829
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (ii)	6.852.068.377	3.774.778.566
Tiền thuê đất trả trước	680.266.000	1.700.665.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	146.020.235	154.527.112
	21.241.125.530	11.542.073.824

(i) Khoản trả trước thuê các hệ thống đường ống cấp nước của Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương. Theo hợp đồng, thời gian thuê cơ sở hạ tầng là 27 năm, từ năm 2018 đến năm 2045 và Khoản trả trước thuê các Hồ sơ lắng, cống qua đê, nhà trạm bơm và một số hạng mục khác của Nhà nước, thời gian thuê cơ sở hạ tầng là 50 năm, tính từ lúc Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh và tuyến ống truyền tải đưa vào hoạt động.

(ii) Phản ánh chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng các lô đất thuê của Công ty và được phân bổ theo thời hạn thuê đất trên các hợp đồng thuê.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty Cổ phần Viwaseen	31.756.548.083	31.756.548.083	-	-
Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	-	-	1.020.194.367	1.020.194.367
Công ty Cổ phần DNP	32.891.400	32.891.400	1.283.072.400	1.283.072.400
Công ty Cổ phần Cấp nước Sông Cầu	1.070.571.600	1.070.571.600	1.192.800.000	1.192.800.000
Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Việt Nam	85.801.000	85.801.000	743.074.200	743.074.200
Đối tượng khác	7.031.128.853	7.031.128.853	6.217.894.152	6.217.894.152
	39.976.940.936	39.976.940.936	10.457.035.119	10.457.035.119

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC												
Thuế Giá trị gia tăng	-	198.446.749	-	3.841.621.729	3.475.923.208	-	564.145.270					
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.537.567.208	-	10.445.096.402	9.376.539.034	-	3.606.124.576					
Thuế Thu nhập cá nhân	-	95.343.637	-	626.750.835	574.759.648	-	147.334.824					
Thuế Tài nguyên	-	79.875.196	-	873.118.524	884.134.034	-	68.859.686					
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	155.805.105	-	-	526.660.816	370.855.711	-	-					
Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-					
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	21.220.896.237	-	27.715.603.296	5.766.074.549	-	43.170.424.984					
- <i>Phi thoát nước (i)</i>	-	20.781.426.840	-	21.813.216.601	-	-	42.594.643.441					
- <i>Phi bảo vệ môi trường</i>	-	439.469.397	-	5.902.386.695	5.766.074.549	-	575.781.543					
	155.805.105	24.132.129.027		44.031.851.602	20.451.286.184		47.556.889.340					

(i) Là khoản phí thoát nước thu hộ địa phương, hiện Công ty đang đợi hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền để nộp về ngân sách nhà nước.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN				
- Chi phí lãi vay	79.344.885	859.688.633		
- Tiền điện sản xuất	1.068.867.822	857.145.841		
- Trích trước tiền quà Tết	632.000.000	596.600.000		
- Chi phí phải trả khác	41.400.000	88.215.599		
	1.821.612.707	2.401.650.073		

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	-	178.357.550
- Phí thuê vận hành nhà máy nước mặt (i)	-	6.118.205.030
- Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương (ii)	4.641.163.177	5.122.592.513
+ <i>Phải trả vốn khấu hao</i>	<i>1.532.748.064</i>	<i>1.532.748.064</i>
+ <i>Lợi nhuận liên danh còn phải trả</i>	<i>3.108.415.113</i>	<i>3.589.844.449</i>
- Phải trả hỗ trợ dự án (iii)	3.527.462.145	3.527.462.145
- Phải trả đội thi công xây lắp	1.794.000.270	573.593.726
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.617.929.199	2.118.457.261
	<u>12.580.554.791</u>	<u>17.638.668.225</u>
b) Dài hạn		
- Phải trả hỗ trợ dự án (iii)	52.456.026.724	56.268.488.869
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương:	39.127.064.597	36.040.505.399
+ <i>Hợp tác kinh doanh Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt Bắc Ninh, công suất 30.000 m3/ngày đêm" (ii)</i>	<i>21.841.659.563</i>	<i>23.374.407.603</i>
+ <i>Hợp tác kinh doanh Nhà máy nước mặt Bắc Ninh (Công suất 45.000 m3/ngày đêm) (iv)</i>	<i>17.285.405.034</i>	<i>12.666.097.796</i>
	<u>91.583.091.321</u>	<u>92.308.994.268</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	43.768.227.774	41.163.097.912
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh	55.983.488.869	65.914.156.044
	<u>99.751.716.643</u>	<u>107.077.253.956</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản phải trả, phải nộp khác:

(i) Đây là khoản phí thuê liên quan đến việc vận hành khai thác Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh mà Công ty đã tạm nhận bàn giao công trình từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh vào ngày 29/06/2018 theo Văn bản số 1826/UBND-XDCB ngày 12/06/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể:

- Bên giao: Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh và nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương;
- Bên nhận bàn giao: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh;
- Mục đích: Sở Xây dựng giao công trình để Công ty quản lý, vận hành khai thác nhà máy, đảm bảo cấp nước sạch an toàn;
- Trách nhiệm của Công ty:
- + Quản lý vận hành, khai thác nhà máy, đảm bảo cấp nước sạch an toàn;
- + Trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh:

Kinh phí quản lý vận hành, khai thác vận hành nhà máy từ năm 2022 là 16.118.205.030 VND/năm (căn cứ theo Công văn số 1391/UBND-KTTH ngày 24/01/2019 và văn bản số 241/UBND-KTTH ngày 20/04/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh); và

Trích trả phần lợi nhuận do quản lý vận hành, khai thác nhà máy nước mặt Bắc Ninh nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định. Khoản phải trả về lợi nhuận năm 2023 của dự án Nhà máy nước mặt Giai đoạn 1 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHCD ngày 19 tháng 04 năm 2024 là 4.834.692.572 VND.

Thông tin bổ sung cho các khoản phải trả, phải nộp khác (tiếp):

Công ty đang ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế có liên quan đến việc vận hành, khai thác nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh như một giao dịch thuê tài sản hoạt động.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2805/HĐKTKD/LP-BANIWWACO ngày 28 tháng 05 năm 2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 30 tháng 08 năm 2022, với một nội dung chi tiết sau:

- Các bên tham gia: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (bên A) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương (bên B);

- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hợp tác kinh doanh dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt Bắc Ninh, công suất 30.000 m³/ngày đêm" tại xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- Nội dung hợp tác: Hai bên ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh trên để thống nhất việc quản lý, vận hành và kinh doanh Dự án nhà máy nước mặt công suất 30.000 m³/ngày đêm, tại xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh sau khi công trình đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo Thỏa thuận liên danh số 01/2018/TTLĐ ngày 24/10/2018 và Quyết định chủ trương đầu tư 668/QĐ-UBND ngày 13/11/2018, cụ thể:

+ Thống nhất giao cho Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh quản lý, vận hành, kinh doanh, hạch toán, kê khai các doanh thu, chi phí của Dự án theo quy định tại hợp đồng này và các quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo khai thác tối đa hiệu quả sử dụng và công suất của Dự án.

+ Việc phân chia lợi ích sẽ được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng này.

+ Các bên và/hoặc một trong các Bên có quyền kiểm tra/kiểm soát và yêu cầu được giao tài sản báo cáo việc quản lý, vận hành, kinh doanh Dự án theo định kỳ hoặc đột xuất (định kỳ theo Quý).

- Phương thức góp vốn, tiến độ góp vốn và phân chia lợi nhuận:

+ Bên A góp 60% tổng mức đầu tư và Bên B góp 40% tổng mức đầu tư bằng đồng tiền Việt Nam; giá trị của Tài sản được ghi nhận theo Quyết toán của Dự án khi hoàn thành;

+ Lợi nhuận từ việc kinh doanh Dự án được phân chia như sau: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh sẽ được hưởng 60% lợi nhuận sau thuế; Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương sẽ được hưởng 40% lợi nhuận sau thuế.

- Về khấu hao tài sản dự án:

+ Bên A thực hiện trích khấu hao tài sản Dự án vào chi phí sản xuất theo quy định của pháp luật có liên quan. Thời gian khấu hao tài sản là 20 (hai mươi) năm kể từ ngày ký Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B khoản tiền trích khấu hao tương ứng với 40% giá trị trích khấu hao hàng năm.

- Số tiền đã thực góp của công ty CP Tập đoàn Long Phương để thực hiện dự án nhà máy nước mặt Bắc Ninh 30.000 m³ là 32.710.578.718 VND, số đã hoàn trả (tổng KH lũy kế) đến thời điểm 31/12/2024 là 9.336.170.551 VND.

Thông tin bổ sung cho các khoản phải trả, phải nộp khác (tiếp):

- Dự án đang trong quá trình vận hành, kinh doanh; kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu của hợp đồng hợp tác kinh doanh	49.971.448.000	44.756.220.000
Giá vốn của hợp đồng hợp tác kinh doanh	23.632.652.786	19.598.182.872
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.316.939.761	-
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	<u>25.021.855.453</u>	<u>25.158.037.128</u>

Phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn:

- Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh	15.013.113.272	15.094.822.278
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	10.008.742.181	10.063.214.850

Khoản tiền trích khấu hao phải thanh toán trong kỳ là: 766.374.020 VND.

(iii) Khoản tiền Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cho Công ty mượn để thực hiện các Dự án Nhà máy nước sạch. Số tiền phải trả hàng năm sẽ do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh tính toán và thông báo với Công ty bằng văn bản.

(iv) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0107/HĐBCC/LP-BANIWACO ngày ngày 01 tháng 07 năm 2023, một số nội dung chi tiết sau:

- Các bên tham gia: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương;
- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hai bên hợp tác để xây dựng Nhà máy nước mặt Bắc Ninh (Công suất 45000 m³/ngày đêm) và hệ thống truyền tải sau đó vận hành kinh doanh với mục đích sinh lời;
- Nội dung hợp tác: Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngày, đêm) và tuyến ống truyền tải”;
- Các bên tham gia, tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn:
 - + Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh góp 60% tổng vốn đầu tư bằng đồng tiền Việt Nam đồng;
 - + Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương góp 40% tổng vốn đầu tư bằng đồng tiền Việt Nam đồng;
- + Việc góp vốn: Từng kỳ tạm ứng, thanh toán, các bên căn cứ hồ sơ đề nghị tạm ứng, hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành được nghiệm thu mà Ban Quản lý dự án đệ trình, các bên xác nhận, các Bên sẽ có trách nhiệm giải ngân nguồn vốn góp theo tỷ lệ góp vốn trong Hợp đồng này.
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh:
 - + Công ty CP Nước sạch Bắc Ninh sẽ được hưởng 60% lợi nhuận sau thuế;
 - + Công ty CP Tập đoàn Long Phương sẽ được hưởng 40% lợi nhuận sau thuế.
- Tình hình đầu tư của Dự án: Xem chi tiết tại mục (i), thuyết minh số 10.

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH
Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

18 - CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	27.699.461.227	27.699.461.227	25.502.793.848	27.699.461.226	25.502.793.849	25.502.793.849
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kinh Bắc	8.435.376.000	8.435.376.000	9.025.376.000	8.435.376.000	9.025.376.000	9.025.376.000
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	16.346.555.227	16.346.555.227	13.563.910.848	16.346.555.226	13.563.910.849	13.563.910.849
- Bộ Tài Chính	2.917.530.000	2.917.530.000	2.913.507.000	2.917.530.000	2.913.507.000	2.913.507.000
	27.699.461.227	27.699.461.227	25.502.793.848	27.699.461.226	25.502.793.849	25.502.793.849
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Kinh Bắc	38.829.474.012	38.829.474.012	124.947.014.715	8.435.376.000	155.341.112.727	155.341.112.727
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	118.075.886.576	118.075.886.576	-	16.346.555.226	101.729.331.350	101.729.331.350
- Bộ Tài Chính	18.059.906.200	18.059.906.200	-	2.917.530.000	15.142.376.200	15.142.376.200
	174.965.266.788	174.965.266.788	124.947.014.715	27.699.461.226	272.212.820.277	272.212.820.277
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(27.699.461.227)	(27.699.461.227)	(25.502.793.848)	(27.699.461.226)	(25.502.793.849)	(25.502.793.849)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	147.265.805.561	147.265.805.561			246.710.026.428	246.710.026.428

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024:

TT	Bên cho vay/số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Dư nợ vay tại 31/12/2024	Nợ dài hạn đến hạn trả	Hình thức bảo đảm (ii)
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kinh Bắc Hợp đồng tín dụng số 02/2022/4474024/HĐTD ngày 20/01/2022	40.000.000.000	Đầu tư tuyến ống từ nhà máy nước thị trấn Chờ huyện Yên Phong về thị xã Từ Sơn (cấp bổ sung nguồn nước cho 3 phường Đồng Kỵ, Đồng Nguyên, Tân Hồng).	96 tháng		Trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên áp dụng lãi suất cố định 7,1%/năm. Sau đó áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + Margin tối thiểu là 3,3%/năm và được xác định, điều chỉnh 06 tháng/01 lần.	9.025.376.000	Tài sản bảo đảm
						7,7%/năm cố định trong 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau đó lãi suất được điều chỉnh 6 tháng/lần theo LSTK cá nhân trả sau niêm yết tại BIDV kỳ hạn 12 tháng + Margin 2,5%.	30.394.098.012	Tài sản bảo đảm
2	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên Hợp đồng cho vay hạn mức số SHBVN/TN/2022/HĐTD-0070 ngày 22/02/2022	427.000.000.000	Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000m3/ngđ) và tuyến ống truyền tải.	180 tháng		Số tiền giải ngân năm thứ nhất (chậm nhất hết ngày 21/12/2022): áp dụng lãi suất 7,59%/năm trong toàn bộ thời gian vay Số tiền giải ngân năm thứ hai (chậm nhất hết ngày 21/12/2023): áp dụng lãi suất 7,79%/năm trong toàn bộ thời gian vay.	101.729.331.350	Tài sản bảo đảm
						Đầu tư xây dựng tuyến ống truyền tải nước sạch từ Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh về thành phố Bắc Ninh.	101.729.331.350	Tài sản bảo đảm
3	Bộ Tài Chính Hiệp định vay lại ngày 16/12/2009	3.009.909 USD	Đầu tư dự án xây dựng hệ thống cấp nước thị trấn Chờ, huyện Yên Phong và thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình.	20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó có 3 năm ân hạn		Miễn lãi trong thời gian ân hạn, sau đó áp dụng lãi suất 3%/năm.	15.142.376.200	Tài sản bảo đảm
							14.946.399.200	Tài sản bảo đảm
						101.729.331.350	13.563.910.849	
						15.142.376.200	2.913.507.000	

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024:

TT	Bên cho vay/số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Dư nợ vay tại 31/12/2024	Nợ dài hạn đến hạn trả	Hình thức bảo đảm (ii)
3.2	Hiệp định vay phụ ngày 06/04/2006	337.500 CHF	Đầu tư dự án Thí điểm thiết kế - Xây dựng - Vận hành hệ thống cấp nước tại thị trấn Lim, tỉnh Bắc Ninh	20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó có 3 năm ân hạn	Miễn lãi trong thời gian ân hạn, sau đó áp dụng lãi suất 6%/năm.	195.977.000	195.977.000	Tài sản bảo đảm
	Tổng cộng					272.212.820.277	25.502.793.849	

Ghi chú:

(i): Khoản vay được thực hiện bởi liên danh Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh và Công ty Cổ phần tập đoàn Long Phương với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để thực hiện dự án.

(ii): Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH
Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.493.910.000	-	-	18.364.268.123	393.858.178.123			
Lãi trong năm trước	-	-	-	35.475.435.785	35.475.435.785			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(16.484.182.649)	(16.484.182.649)			
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(103.429.309)	(103.429.309)			
Chi trả phần lợi nhuận sau thuế của nhà máy nước mặt Bắc Ninh vào ngân sách nhà nước	-	-	-	(1.776.656.165)	(1.776.656.165)			
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)			
Số dư cuối năm trước	375.493.910.000	-	-	35.187.435.785	410.681.345.785			
Số dư đầu năm nay	375.493.910.000	-	-	35.187.435.785	410.681.345.785			
Lãi trong năm nay	-	-	-	51.279.213.733	51.279.213.733			
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	550.000.000	(550.000.000)	-			
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(514.218.233)	(514.218.233)			
Chia cổ tức	-	-	-	(29.288.524.980)	(29.288.524.980)			
Chi trả phần lợi nhuận sau thuế của nhà máy nước mặt Bắc Ninh vào ngân sách nhà nước (i)	-	-	-	(4.834.692.572)	(4.834.692.572)			
Thù lao Hội đồng quản trị không điều hành	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)			
Số dư cuối năm nay	375.493.910.000	550.000.000	-	50.991.213.733	427.035.123.733			



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHCD ngày 19 tháng 04 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2023	100,00%	35.475.435.785
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1,55%	550.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,45%	514.218.233
Thù lao của Hội đồng quản trị không điều hành	0,81%	288.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 7,8% vốn điều lệ)	82,56%	29.288.524.980
Chi trả phần lợi nhuận sau thuế của nhà máy nước mặt Bắc Ninh vào ngân sách nhà nước (i)	13,63%	4.834.692.572

(i) Trích trả phần lợi nhuận do quản lý vận hành, khai thác nhà máy nước mặt Bắc Ninh nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 17 - ghi chú (i)).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	49,06	184.202.790.000	49,06	184.202.790.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	35,06	131.652.450.000	35,06	131.652.450.000
Các cổ đông khác	15,88	59.638.670.000	15,88	59.638.670.000
	100,00	375.493.910.000	100,00	375.493.910.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.493.910.000	375.493.910.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	375.493.910.000	375.493.910.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	375.493.910.000	375.493.910.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	34.123.217.552	18.260.838.814
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	34.123.217.552	18.260.838.814
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(34.123.217.552)	(18.260.838.814)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(34.123.217.552)	(18.260.838.814)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.549.391	37.549.391
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	37.549.391	37.549.391
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.549.391	37.549.391
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.549.391	37.549.391
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.549.391	37.549.391
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	550.000.000	-
	550.000.000	-

20 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê vận hành Nhà máy nước thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Bắc Ninh theo hợp đồng số 04A/HĐKT ngày 04 tháng 11 năm 2005; Hợp đồng số 09/2016/PLHĐKT ngày 05/11/2006 và Phụ lục hợp đồng số 247/2017/PLHĐKT ngày 25 tháng 05 năm 2017. Theo các hợp đồng và phụ lục hợp đồng này:

- Thời gian cho thuê vận hành đến hết năm 2028;
- Mức phí thuê đến năm 2028 là 72.143.412 VND/tháng (bao gồm cả thuế GTGT là 10%).

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty có các cam kết thuê hoạt động sau:

1. Công ty được Ủy ban nhân tỉnh Bắc Ninh tạm giao quản lý, vận hành khai thác nhà máy nước mặt Bắc Ninh theo văn bản số 1826/UBND-XDCB ngày 12 tháng 06 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh và được phép trích kinh phí quản lý, vận hành nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh theo văn bản số 1391/UBND-KTTH và văn bản số 241/UBND-KTTH ngày 20 tháng 04 năm 2022 với số tiền là 16.118.205.030 VND/năm kể từ năm 2022. Tổng giá trị dự án theo biên bản bàn giao là 341.755.744.270 VND.

2. Theo hợp đồng thuê đường ống cấp nước số 01/HĐKT/2018 ký ngày 20/12/2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương tại 04 xã: Bồng Lai, Việt Hùng, Phượng Mao và Phượng Liễu thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh để quản lý vận hành kinh doanh dịch vụ cấp nước:

- Thời hạn thuê từ 01/01/2018 đến 01/01/2045 với tổng thời gian là 27 năm;
- Giá trị thuê 01 năm chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng trong 03 năm đầu là 1.500.000.000 VND/năm, từ năm thứ 04 đến năm thứ 07 là 1.700.000.000 VND/năm và từ năm thứ 08 căn cứ vào thực tế thương thảo.

3. Theo hợp đồng thuê đường ống cấp nước số 02/HĐKT/2020 ký ngày 08/01/2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương tại 03 phường: Đồng Kỵ, Đồng Nguyên và Tân Hồng thuộc thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh để quản lý vận hành kinh doanh dịch vụ cấp nước:

- Thời hạn thuê từ 01/08/2020 đến 01/01/2047 với tổng thời gian là 27 năm;
- Giá trị thuê 01 năm chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng trong 03 năm đầu là 1.200.000.000 VND/năm, từ năm thứ 04 đến năm thứ 05 là 1.500.000.000 VND/năm và từ năm thứ 06 căn cứ vào thực tế thương thảo.

4. Công ty ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước để sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin về các lô đất thuê như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

TT	Vị trí thửa đất	Diện tích (m²)	Thời gian thuê (năm)
1	Khu đất tại xã Hòa Long - Trụ sở	7.686,8	Đến năm 2067
2	Khu đất tại Đại Phúc - tuyến ống truyền tải	5.399,4	Đến năm 2067
3	Thị trấn Thứa, Lương Tài	3.573,9	Đến năm 2067
4	Khu đất tại Lai Hạ, Lương Tài	634,4	Đến năm 2067
5	Khu đất tại Lãng Ngâm (Gia Bình)	7.948,3	Đến năm 2060
6	Khu đất Hòa Long (Giếng)	125,0	Đến năm 2063
7	Khu đất Hòa Long (MR hệ thống cấp nước)	1.221,9	Đến năm 2057
8	Khu đất tại thị trấn Chờ Yên Phong	16.502,5	Đến năm 2064
9	Khu đất tại thị trấn Thứa, Lương Tài	7.237,2	Đến năm 2067
10	Khu đất tại thị trấn Phố Mới, Quế Võ, Bắc Ninh	2.058,1	Đến năm 2067
11	Khu đất tại phường Đáp Cầu, Thành phố Bắc Ninh	9.951,8	Đến năm 2067
12	Khu đất tại Nội Duệ, Tiên Du, Bắc Ninh	5.537,8	Đến năm 2067
13	Khu đất tại phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh	575,0	Đến năm 2067
14	Khu đất tại thị trấn Thứa, Lương Tài	4.370,7	Đến năm 2067
15	Khu đất tại phường Đáp Cầu và phường Thị Cầu, Bắc Ninh	1.268,0	Đến năm 2067
16	Khu đất tại Hòa Long, thành phố Bắc Ninh	1.549,7	Đến năm 2067
17	Khu đất tại Hòa Long và Đáp Cầu, Bắc Ninh	10.946,6	Đến năm 2067
18	Khu đất tại Bồng Lai, Quế Võ, Bắc Ninh	6.264,0	Đến năm 2069
19	Khu đất tại thị trấn Chờ, Yên Phong	7.526,2	Đến năm 2067

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	282.512.970.690	249.178.019.101
Doanh thu xây lắp	3.684.261.299	4.573.199.968
Doanh thu cho thuê tài sản	787.019.040	787.019.040
	<u>286.984.251.029</u>	<u>254.538.238.109</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	193.762.855.092	182.030.004.741
Giá vốn hoạt động xây lắp	2.534.087.668	4.241.181.366
Giá vốn thuê tài sản	1.467.031.824	1.467.031.824
	<u>197.763.974.584</u>	<u>187.738.217.931</u>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	<u>173.695.027</u>	<u>-</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>		

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.813.003.054	1.655.893.572
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.589.800.157
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	132.000.000
	2.813.003.054	3.377.693.729
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	-	132.000.000

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.770.819.626	13.309.598.568
	11.770.819.626	13.309.598.568

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	909.057.854	417.341.776
Chi phí nhân công	13.257.786.101	12.398.311.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	797.673.929	488.575.990
Thuế, phí, lệ phí	1.805.237.248	1.072.479.009
Chi phí dự phòng	1.240.415.017	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.633.519.383	1.314.800.420
Chi phí khác bằng tiền	485.246.501	1.431.867.180
	20.128.936.033	17.123.375.767

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Kinh phí thu phí thoát nước và bảo vệ môi trường	1.070.204.392	877.158.305
Thu nhập khác	-	4.000.000
	1.070.204.392	881.158.305

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61.197.534.230	40.613.002.993
Các khoản điều chỉnh tăng	246.526.102	301.655.315
- Chi phí không hợp lệ	246.526.102	301.655.315
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(132.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(132.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	61.444.060.332	40.782.658.308
- Thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 10%)	15.803.277.128	15.094.822.270
- Thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 20%)	45.640.783.204	25.687.836.038
Chi phí thuế TNDN trước miễn, giảm	10.708.484.353	6.647.049.435
Thuế TNDN được miễn, giảm	(790.163.856)	(1.509.482.227)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.918.320.497	5.137.567.208
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ liên danh	526.775.905	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.537.567.208	317.571.750
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(9.376.539.034)	(2.917.571.750)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.606.124.576	2.537.567.208

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	51.279.213.733	35.475.435.785
Các khoản điều chỉnh:	(288.000.000)	(288.000.000)
- Thù lao của Hội đồng quản trị không chuyên trách	(288.000.000)	(288.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	50.991.213.733	35.187.435.785
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	37.549.391	37.549.391
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.358	937

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.209.135.292	17.284.220.738
Chi phí nhân công	68.887.129.187	81.281.450.387
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.601.139.395	47.610.201.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.204.429.466	52.955.870.140
Chi phí khác bằng tiền	26.592.309.579	5.814.850.500
	217.494.142.919	204.946.593.698

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.803.880.367	-	-	30.803.880.367
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.525.418.426	-	-	18.525.418.426
Các khoản cho vay	76.304.501.392	-	-	76.304.501.392
	125.633.800.185	-	-	125.633.800.185
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.717.040.956	-	-	57.717.040.956
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.054.024.454	-	-	23.054.024.454
Các khoản cho vay	18.150.800.000	-	-	18.150.800.000
	98.921.865.410	-	-	98.921.865.410

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	25.502.793.849	246.710.026.428	-	272.212.820.277
Phải trả người bán, phải trả khác	52.557.495.727	91.583.091.321	-	144.140.587.048
Chi phí phải trả	1.821.612.707	-	-	1.821.612.707
	<u>79.881.902.283</u>	<u>338.293.117.749</u>	<u>-</u>	<u>418.175.020.032</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	27.699.461.227	147.265.805.561	-	174.965.266.788
Phải trả người bán, phải trả khác	28.095.703.344	92.308.994.268	-	120.404.697.612
Chi phí phải trả	2.401.650.073	-	-	2.401.650.073
	<u>58.196.814.644</u>	<u>239.574.799.829</u>	<u>-</u>	<u>297.771.614.473</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch HĐQT
Ông Lưu Xuân Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Chuyên	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Tôn	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên HĐQT
	<i>Bổ nhiệm ngày 01/05/2024</i>
Ông Ngô Minh Châu	Thành viên HĐQT
	<i>Miễn nhiệm kể từ ngày 01/05/2024</i>
Ông Trần Khánh Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hương	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hồng Thiện	Thành viên Ban kiểm soát
	<i>Bổ nhiệm ngày 01/05/2024</i>
Bà Nguyễn Thị Mai Lan	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn An	Thành viên Ban kiểm soát
	<i>Miễn nhiệm ngày 01/05/2024</i>

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	173.695.027	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	164.987.027	-
Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh	8.708.000	-
Phí thuê vận hành nhà máy nước mặt	16.118.205.030	16.118.205.030
Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh	16.118.205.030	16.118.205.030
Trả cổ tức từ hoạt động kinh doanh	24.636.708.720	13.866.045.036
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	14.367.817.620	8.086.502.481
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	10.268.891.100	5.779.542.555
Trả lợi nhuận từ nhà máy nước mặt Bắc Ninh	4.834.692.572	1.776.656.165
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	4.834.692.572	1.776.656.165
Trả vốn khấu hao từ hoạt động liên doanh	1.532.748.040	1.532.748.040
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	1.532.748.040	1.532.748.040
Trả lợi nhuận từ hoạt động liên doanh	20.464.423.031	10.209.569.944
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	20.464.423.031	10.209.569.944
Lợi nhuận được chia	-	132.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước số 2 Bắc Ninh	-	132.000.000
Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh	4.619.307.238	11.145.583.195
Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Phương	4.619.307.238	11.145.583.195
Nhận chuyển giao vốn đầu tư dự án	-	2.280.771.902
Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh	-	2.280.771.902

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINHSố 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố
Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Nguyễn Tiến Long	120.000.000	120.000.000
Bà Vũ Thị Chuyên	84.000.000	84.000.000
Ông Lưu Xuân Tâm	726.602.815	655.000.396
Ông Nguyễn Đình Tôn	673.637.961	610.123.030
Ông Nguyễn Xuân Quyết	56.000.000	-
Ông Ngô Minh Châu	28.000.000	84.000.000
Bà Trần Thị Hương	331.537.029	324.778.750
Ông Nguyễn Văn An	20.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Lan	253.200.027	244.499.056
Ông Nguyễn Hồng Thiện	40.000.000	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thu Dung
Người lập



Nguyễn Thị Phương
Kế toán trưởng



Lưu Xuân Tâm
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Bắc Ninh, ngày tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ điều lệ Công ty CP nước sạch Bắc Ninh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 19/4/2024, Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, được Ban kiểm soát kiểm tra, với các chỉ tiêu cơ bản dưới đây:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tổng tài sản	Đồng	906.953.596.717
2	Nợ phải trả	Đồng	479.918.472.984
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	427.035.123.733
4	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	286.984.251.029
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	61.197.534.230
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	51.279.213.733
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.358

(Chi tiết đăng tải trên website: <http://nuocsachbacninh.com.vn/Quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính>).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VP

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Long

Số: /TTr-BNW

Bắc Ninh, ngày tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh ngày 19 tháng 04 năm 2024;
- Điều lệ Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2021;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 02/NQ/HĐQT-NSBN ngày 15/01/2025 v/v tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024.
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024;
- Căn cứ văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về ý kiến đề người đại diện phần vốn nhà nước tham gia biểu quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024, Cụ thể như sau:

Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Vốn điều lệ	VND	375.493.910.000
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm 2024	VND	51.279.213.733
3	Phân phối lợi nhuận như sau:	VND	51.279.213.733
	Trích quỹ Đầu tư phát triển	VND	2.300.000.000
	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	VND	1.351.576.631
	Thù lao của HĐQT không điều hành	VND	288.000.000
	Chi trả phần lợi nhuận sau thuế của nhà máy nước mặt Bắc Ninh vào ngân sách nhà nước	VND	6.035.307.002
	Chi trả cổ tức (11%/vốn điều lệ) (*)	VND	41.304.330.100

(*) Lưu ý:

Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 7%/cổ phiếu; tức 01 cổ phiếu nhận được 700 đồng.

Số còn lại chi đợt 2 là: 4%, tức 01 cổ phiếu nhận được 400 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Long

Số:/TTr-BNW

Bắc Ninh, ngày tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2021;

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định thông qua đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025. Cụ thể như sau:

Trên cơ sở lợi nhuận dự kiến Hội đồng quản trị đề xuất trích lập một phần vào Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và chi trả cổ tức bằng tiền tối thiểu là 6%, tức 01 cổ phiếu nhận được **600** đồng.

Giao HĐQT quyết định thời gian và mức tạm ứng cổ tức.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua./.

Nơi nhân:

- Như kính gửi;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Long

Số: /TTr-BNW

Bắc Ninh, ngày tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
*V/v Phê duyệt chi Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,
Thư ký Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch năm 2025*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã
hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2021;*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét và thông qua Tờ trình phê duyệt chi thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2024 và đề xuất kế hoạch năm 2025. Như sau:

1. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2024.

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền/tháng	Số tiền thù lao/năm
	Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch HĐQT	10.000.000	120.000.000
2	Lưu Xuân Tâm	Phó CT HĐQT	8.000.000	96.000.000
4	Nguyễn Đình Tôn	Thành viên HĐQT	7.000.000	84.000.000
5	Vũ Thị Chuyên	Thành viên HĐQT	7.000.000	84.000.000
6	Ngô Minh Châu	Thành viên ĐL HĐQT	7.000.000	28.000.000
7	Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên ĐL HĐQT	7.000.000	56.000.000
	Ban kiểm soát			
1	Trần Thị Hương	Trưởng ban kiểm soát	7.000.000	84.000.000
3	Nguyễn Văn An	Ủy viên ban kiểm soát	5.000.000	20.000.000
4	Nguyễn Hồng Thiện	Ủy viên ban kiểm soát	5.000.000	40.000.000
5	Nguyễn Thị Mai Lan	Ủy viên ban kiểm soát	5.000.000	60.000.000
	Thư ký HĐQT			
1	Ngô Việt Thắng	Thư ký HĐQT	5.000.000	60.000.000
Tổng				732.000.000

2. Kế hoạch mức thù lao hàng tháng của HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT/Người phụ trách quản trị Công ty năm 2025:

ĐVT: đồng

STT	Chức vụ	Tiền thù lao/tháng/người	Cả năm
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	25.000.000	300.000.000
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	20.000.000	240.000.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	12.000.000	144.000.000
4	Trưởng Ban Kiểm Soát	12.000.000	144.000.000
5	Thành viên Ban Kiểm Soát	8.000.000	96.000.000
6	Người phụ trách quản trị/Thư ký Hội đồng quản trị	8.000.000	96.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: /TTr-HĐQT
V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc
lập năm 2025

Bắc Ninh, ngày tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh thông qua năm 2021;

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty và đề xuất về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và kinh nghiệm;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với quy định hiện hành.
- Tổ chức kiểm toán độc lập này được Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam và Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các đơn vị, công ty theo danh sách hàng năm.

2. Đề xuất về việc lựa chọn công ty kiểm toán: Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Long

Số: /BC-NSBN

Bắc Ninh, ngày tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc vay vốn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyển ống truyền tải.

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh

Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông họp thông qua ngày 20/04/2021;

Căn cứ Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số 300/QĐ-UBND ngày 1/9/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh chấp thuận nhà đầu tư Liên danh Công ty CP nước sạch Bắc Ninh và Công ty CP tập đoàn Long Phương thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyển ống truyền tải;

Ngày 23/06/2023 Đại hội cổ đông Công ty đã thông qua dự thảo hợp đồng vay vốn dài hạn và dự thảo hợp đồng thế chấp tài sản để ĐTXD nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyển ống truyền tải.

Theo đó, có giao cho TGD đàm phán trình HĐQT thông qua việc ký kết hợp đồng vay vốn, hợp đồng thế chấp chính thức với các tổ chức tín dụng, đảm bảo phù hợp với quy định có liên quan và báo cáo Đại hội cổ đông vào kỳ họp gần nhất nếu có thay đổi.

Ngày 29/12/2023 Hội đồng quản trị đã thông qua hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai với Ngân hàng BIDV chi nhánh Kinh Bắc để thực hiện dự án đầu tư xây dựng xây dựng nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyển ống truyền tải.

Cử ông Lưu Xuân Tâm, Tổng Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng, thỏa thuận, văn kiện tín dụng, giao dịch với Ngân hàng BIDV chi nhánh Kinh Bắc.

Ngày 26/01/2024 Liên danh Công ty CP nước sạch Bắc Ninh và Công ty CP tập đoàn Long Phương đã ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng BIDV chi nhánh Kinh Bắc để đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyển ống truyền tải với số tiền vay tối đa là 427.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn: 7.7%/năm cố định trong 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau đó lãi suất được điều chỉnh 6 tháng/lần theo LSTK cá nhân trả sau niêm yết tại BIDV kỳ hạn 12 tháng + margin 2.5%.

Trong thời gian triển khai thực hiện dự án, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh có chấp thuận cho Công ty CP nước sạch Bắc Ninh và Công ty CP tập đoàn Long Phương vay vốn với số tiền vay tối đa là 47.283.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ

(hiện đang áp dụng 5%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay của Ngân hàng BIDV chi nhánh Kinh Bắc) để đầu tư hạng mục Hồ sơ lắng thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyến ống truyền tải nhằm mục đích hỗ trợ các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh, đặc biệt là lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước phục vụ an sinh xã hội.

Ngày 25/12/2024 Hội đồng quản trị đã thông qua Hợp đồng vay vốn với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh để thực hiện hạng mục Hồ sơ lắng thuộc dự án ĐTXD nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyến ống truyền tải. đồng thời thông qua văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng với Ngân hàng BIDV chi nhánh Kinh Bắc.

Số tiền vay vốn với Ngân hàng BIDV chi nhánh Kinh Bắc sẽ điều chỉnh giảm tương ứng với số tiền Liên danh vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh, đối với tài sản đảm bảo sẽ được đảm bảo chung cho nghĩa vụ tín dụng tài trợ dự án của BIDV, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh và được chia sẻ theo tỷ lệ tài trợ vốn.

HDQT báo cáo Đại hội cổ đông về sự thay đổi của hợp đồng vay vốn dài hạn và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai để đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyến ống truyền tải.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Long

Số: /TTr-BNW

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

V/v Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Luật chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Điều lệ Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh được ĐHĐCĐ thông qua lần thứ 3, ngày 20/04/2021, lần thứ 4, ngày 05/11/2021.
- Căn cứ vào Nghị định 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về việc thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước

1. Sự cần thiết phải sửa đổi bổ sung Điều lệ:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 42 của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định Tổng giám đốc được quyền chi các khoản phát sinh dưới 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/01 sự việc. Để Tổng giám đốc chủ động hơn trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh nên cần thiết phải sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Do vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên quan đến các hợp đồng, khoản chi có giá trị từ 300 triệu đồng tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị về nội bộ của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh, như sau:

2. Nội dung tài liệu sửa đổi, điều chỉnh:

2.1. Điều lệ Công ty

Điều lệ năm 2021	Nội dung điều chỉnh
Điểm h khoản 2 Điều 44. Hội đồng quản trị: “Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị từ 300.000.000VNĐ đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (Trừ các Hợp đồng dịch vụ cấp nước cho các khách hàng của Công ty)”	Điểm h khoản 2 Điều 44. Hội đồng quản trị: “Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị từ 1.000.000.000VNĐ đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (Trừ các Hợp đồng dịch vụ cấp nước cho các khách hàng của Công ty). Đối với các khoản

	<i>chi từ 300.000.000VNĐ đến dưới 1.000.000.000VNĐ Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị thống nhất quyết định.”</i>
--	--

2.2. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Quy chế năm 2021	Nội dung điều chỉnh
<p>Điểm c khoản 1 Điều 42. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:</p> <p>“c. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc:</p> <p>...</p> <p>iv, Ngoài các khoản chi thường xuyên nêu trên, Tổng giám đốc được quyền chi các khoản phát sinh dưới 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/01 sự việc.</p> <p>v, Các khoản chi từ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) trở lên/1 sự việc phải được Hội đồng quản trị thông qua.”</p>	<p>Điểm c khoản 1 Điều 42. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:</p> <p>“c. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc:</p> <p>....</p> <p>iv, Ngoài các khoản chi thường xuyên nêu trên, Tổng giám đốc được quyền chi các khoản phát sinh dưới 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)/01 sự việc. Đối với các khoản chi từ 300.000.000VNĐ đến dưới 1.000.000.000VNĐ, Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị thống nhất quyết định hoặc thông qua HĐQT quyết định.</p> <p>v, Các khoản chi từ 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) trở lên/1 sự việc phải được Hội đồng quản trị thông qua.”</p>

3. Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc hoàn thiện và ký ban hành sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ và các quy chế, quyết định có liên quan của Công ty kể từ ngày được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Long

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày tháng 04 năm 2025

HƯỚNG DẪN THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Ban tổ chức Đại hội xin hướng dẫn cách thức thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội như sau:

Sau khi Quý Cổ đông hoàn tất thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông để tham dự họp Đại hội, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông sẽ phát cho Quý Cổ đông Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Đối với cổ đông tham gia đại hội, số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu; đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện phần vốn góp của cổ đông là tổ chức, số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần mà mình được quyền đại diện.

1. Biểu quyết tại chỗ bằng giơ “THẺ BIỂU QUYẾT”

1.1. Đặc điểm: “THẺ BIỂU QUYẾT” có MÀU VÀNG, ghi thông tin của Cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết

1.2. Mục đích: Dùng để biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại Đại hội theo hình thức GIƠ thẻ, bao gồm:

~~1. Thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông;~~

~~21. Thông qua Danh sách Đoàn chủ tịch;~~

~~32. Thông qua Danh sách Ban thư ký Đại hội;~~

~~43. Thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu Đại hội;~~

~~54. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội;~~

~~65. Thông qua Chương trình Đại hội;~~

~~76. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.~~

1.3. Thẻ lệ biểu quyết tại chỗ: Cổ đông thực hiện biểu quyết bằng việc giơ “**THẺ BIỂU QUYẾT**” để biểu quyết “**Tán thành**”, hoặc “**Không tán thành**”, hoặc “**Không có ý kiến**” với những nội dung biểu quyết khi Ban Tổ chức hoặc Đoàn chủ tịch yêu cầu biểu quyết. Với mỗi nội dung biểu quyết, Cổ đông chỉ được giơ thẻ một lần hoặc “**Tán thành**”, hoặc “**Không tán thành**”, hoặc “**Không có ý kiến**”.

Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

2. Thẻ lệ biểu quyết bằng “PHIẾU BIỂU QUYẾT”

2.1. Đặc điểm “PHIẾU BIỂU QUYẾT”: Phiếu biểu quyết có MÀU XANH, ghi Họ và tên cổ đông, Mã số cổ đông, Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu, Số lượng phiếu biểu quyết nhân ủy quyền và Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện thông tin của Cổ đông, mã số cổ đông tham dự và số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội, các nội dung biểu quyết thông qua.

2.2. Mục đích: Dùng để biểu quyết những nội dung cần thông qua tại Đại hội bằng cách bỏ phiếu, bao gồm những nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT;
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh;

Formatted: Font color: Auto

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức;
6. Thông qua đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức;
7. Thông qua đề nghị phê duyệt chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT;
8. Thông qua đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập;
9. Thông qua Tờ trình và tài liệu liên quan đến việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS (nếu có).

10. Các vấn đề khác ghi trong Phiếu biểu quyết (nếu có)

2.3. Thễ lệ biểu quyết bằng ‘PHIẾU BIỂU QUYẾT’:

Trên Phiếu biểu quyết, Ban Tổ chức Đại hội đã in đầy đủ những nội dung cần biểu quyết nêu trên. Tương ứng với mỗi nội dung cần biểu quyết có 3 phương án biểu quyết là “**Tán thành**”, “**Không tán thành**” hoặc “**Không có ý kiến**”. Quý cổ đông lựa chọn phương án nào thì đánh dấu “X” vào phương án đó và chỉ được lựa chọn một trong ba phương án.

Cổ đông/người được ủy quyền có trách nhiệm ký đúng phiếu của mình, Ban kiểm phiếu không chịu trách nhiệm xác minh lại chữ ký.

Quý Cổ đông sẽ lần lượt bỏ PHIẾU BIỂU QUYẾT đã được biểu quyết vào thùng phiếu đặt phía ở trên hội trường (theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu).

Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu ngay tại Đại hội.

2.4. Đánh giá phiếu ~~hợp lệ~~, không hợp lệ:

- Phiếu Hợp lệ:

+ ~~Phiếu đúng theo mẫu của Ban tổ chức, có đóng dấu treo của của công ty;~~

+ ~~Phiếu biểu quyết theo đúng thể lệ tại mục 2.3 ở trên;~~

+ ~~Phiếu không rách, không tẩy xóa (không được thiếu, thừa nội dung theo mẫu phiếu);~~

- Phiếu không hợp lệ:

+ ~~Phiếu biểu quyết không phải là phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát hành;~~

+ ~~Phiếu biểu quyết không theo Mẫu quy định, không được đóng Dấu treo của Công~~

~~ty;~~

+ ~~Phiếu biểu quyết bị gach xóa, sửa chữa, rách, nát;~~

+ ~~Phiếu biểu quyết không có họ tên và chữ ký của cổ đông/ người đại diện theo ủy~~

~~quyền hợp pháp của cổ đông;~~

+ ~~Phiếu biểu quyết có tất cả các nội dung biểu quyết không hợp lệ;~~

+ ~~Phiếu biểu quyết được nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi Chủ tọa Đại hội tuyên bố thời gian bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.~~

+ ~~Phiếu không theo mẫu của Công ty phát hành;~~

+ ~~Phiếu rách, tẩy xóa (thiếu, thừa nội dung theo mẫu phiếu);~~

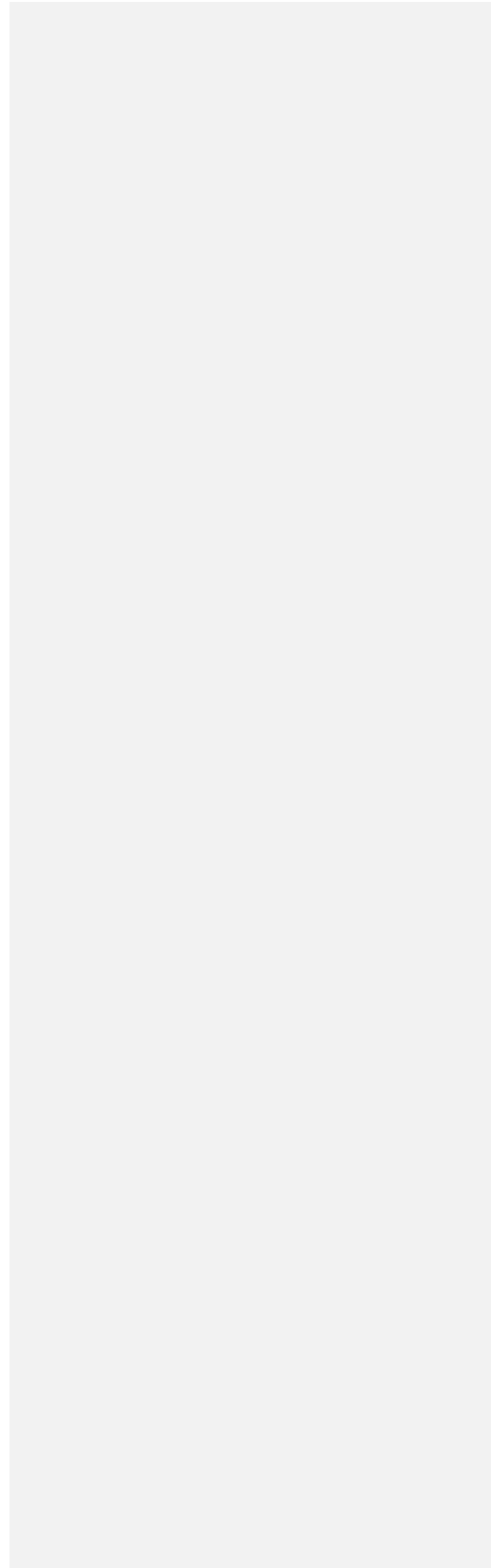
+ ~~Phiếu không biểu quyết theo đúng thể lệ tại mục 2.3 ở trên;~~

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cổ đông./.

Lưu ý:

+ Các cổ đông điền sai thông tin hoặc kiểm tra thông tin thấy sai trên phiếu biểu quyết cần liên lạc ngay với Ban kiểm phiếu để nhận lại Phiếu biểu quyết mới.

+ Ban kiểm phiếu hủy Phiếu biểu quyết (điền sai hoặc thông tin bị sai lệch) đã phát cho cổ đông trước khi cấp Phiếu biểu quyết mới.





CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: ...

Họ và tên Đại biểu: ...

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: ... phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: ... phiếu biểu quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 04 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty số 01/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các Báo cáo sau:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024;
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024;

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, được Ban kiểm soát kiểm tra, với các chỉ tiêu cơ bản dưới đây:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tổng tài sản	Đồng	906.953.596.717
2	Nợ phải trả	Đồng	479.918.472.984
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	427.035.123.733
4	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	286.984.251.029
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	61.197.534.230
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	51.279.213.733
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.358

4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025;

Điều 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2024:

Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024, Cụ thể như sau:

Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Vốn điều lệ	VND	375.493.910.000
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm 2024	VND	51.279.213.733
3	Phân phối lợi nhuận như sau:	VND	51.279.213.733
	<i>Trích quỹ Đầu tư phát triển</i>	VND	2.300.000.000
	<i>Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi</i>	VND	1.351.576.631
	<i>Thù lao của HĐQT không điều hành</i>	VND	288.000.000
	<i>Chi trả phần lợi nhuận sau thuế của nhà máy nước mặt Bắc Ninh vào ngân sách nhà nước</i>	VND	6.035.307.002
	<i>Chi trả cổ tức (11%/vốn điều lệ) (*)</i>	VND	41.304.330.100

(*) Lưu ý:

Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 7%/cổ phiếu; tức 01 cổ phiếu nhận được **700** đồng.

Số còn lại chi đợt 2 là: **(4%)**, tức 01 cổ phiếu nhận được **400** đồng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định thời hạn, thủ tục để chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 3. Thông qua đề xuất phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2025:

Trên cơ sở lợi nhuận dự kiến Hội đồng quản trị đề xuất trích lập một phần vào Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và chi trả cổ tức bằng tiền tối thiểu là 6%, tức 01 cổ phiếu nhận được 600 đồng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định thời hạn, thủ tục thực hiện tạm ứng cổ tức cho các cổ đông căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh, nguồn vốn của Công ty.

Điều 4. Thông qua phê duyệt chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị/Người phụ trách quản trị Công ty năm 2024 và kế hoạch năm 2025:**1. Phê duyệt mức thù lao năm 2024:**

Tổng cộng mức chi thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị là: **732.000.000** đồng.

2. Kế hoạch mức thù lao hàng tháng của HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2025:

STT	Chức vụ	Tiền thù lao/tháng/người	Cả năm ĐVT: đồng
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	25.000.000	300.000.000
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	20.000.000	240.000.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	12.000.000	144.000.000

STT	Chức vụ	Tiền thù lao/tháng/người	Cả năm ĐVT: đồng
4	Trưởng Ban Kiểm Soát	12.000.000	144.000.000
5	Thành viên Ban Kiểm Soát	8.000.000	96.000.000
6	Người phụ trách quản trị/Thư ký Hội đồng quản trị	8.000.000	96.000.000

Điều 5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập
 - Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
 - Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
 - Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và kinh nghiệm;
 - Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với quy định hiện hành.
 - Tổ chức kiểm toán độc lập này được Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam và Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các đơn vị, công ty theo danh sách hàng năm.

2. Đơn vị lựa chọn: Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

Điều 6. Thông qua Báo cáo về việc vay vốn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ) và tuyển ông truyền tải.

Điều 7. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh

Điều 8. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Công bố thông tin: UBCK; HNX; VSD;
- Web Công ty (cổ đông).
- Văn thư; (lưu 3 bản)/.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Tiến Long